

**UBND TỈNH THANH HÓA**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**Ngành đào tạo: Đại học Tâm lý học**

**Mã ngành: 7.31.04.01**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Thanh Hóa, 2021**

Thanh Hoá, ngày 01 tháng 9 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt chương trình đào tạo ngành Tâm lý trình độ đại học theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học áp dụng cho khóa tuyển sinh từ tháng 8/2021

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Khung chương trình đào tạo theo khối ngành, nhóm ngành đào tạo đại học, cao đẳng định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học tại Trường Đại học Hồng Đức (theo Quyết định số 1270/QĐ-ĐHHD ngày 09/8/2017 và Quyết định số 1285/QĐ-ĐHHD ngày 16/8/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức);

Căn cứ Văn bản đề nghị của khoa Tâm lý – Giáo dục về việc điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo ngành Tâm lý học; Biên bản họp Hội đồng Thẩm định CTĐT ngành ĐH Tâm lý học, Biên bản thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhà trường;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt chương trình đào tạo ngành Tâm lý học, trình độ đại học theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học, áp dụng cho khóa tuyển sinh từ tháng 8/2021 (Có chương trình đào tạo kèm theo).

**Điều 2.** Trưởng khoa, Trưởng bộ môn quản lý học phần có trách nhiệm xây dựng, thẩm định và phê duyệt đề cương chi tiết học phần theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng khoa Tâm lý – Giáo dục, các bộ môn liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Lê Hoảng Bá Huyền**

## MỤC LỤC

	Trang
<b>I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b> .....	1
1. Giới thiệu về chương trình đào tạo .....	1
2. Thông tin chung về chương trình .....	2
3. Mục tiêu đào tạo của chương trình .....	3
3.1. Mục tiêu chung .....	3
3.2. Mục tiêu cụ thể: .....	3
4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo .....	4
5. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo .....	5
7. Phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá .....	5
7.1. Phương pháp dạy - học .....	5
7.2. Các phương thức đánh giá việc học .....	6
<b>II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC</b> .....	6
1. Cấu trúc chương trình dạy học .....	6
2. Danh sách và mô tả các học phần .....	7
3. Trình tự nội dung chương trình dạy học .....	43
4. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra .....	44

## BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**Ngành: Tâm lý học; Trình độ: Đại học**

*(Ban hành theo Quyết định số 1733/QĐ-ĐHHD ngày 01 tháng 9 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

### I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Đại học Tâm lý học được xây dựng lần đầu vào năm 2007 với mục tiêu đào tạo cử nhân Tâm lý học cho các cơ quan, doanh nghiệp, trung tư vấn tâm lý, các trường học, bệnh viện, trung tâm xã hội... của tỉnh Thanh Hóa và cả nước. Từ năm 2007 đến nay, chương trình đào tạo Tâm lý học trình độ đại học đã được điều chỉnh 05 lần (vào các năm: 2008, 2014, 2016, 2017 và 2019) nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện về giáo dục. Năm 2017, chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên học chế tín chỉ. Năm 2019, chương trình lại được điều chỉnh dựa trên sự tham khảo chương trình đào tạo của nhiều trường đại học lớn trong nước như: Trường ĐH Sư phạm Hà Nội, Trường ĐH Khoa học xã hội nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, Trường ĐH Thương mại...

Chương trình đào tạo hiện hành bao gồm 124 tín chỉ, trong đó, khối kiến thức giáo dục đại cương 39 tín chỉ (có 04 tín chỉ tự chọn), kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 85 tín chỉ (có 24 tín chỉ tự chọn). Tổng số học phần trong CTĐT là 48 học phần (chưa tính GDTC và GDQP) được phân bổ trong 8 học kỳ (kỳ 1: gồm 6 học phần, 17 tín chỉ; kỳ 2: gồm 7 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 3: gồm 7 học phần, 17 tín chỉ; kỳ 4: gồm 8 học phần, 18 tín chỉ; kỳ 5: gồm 5 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 6: gồm 7 học phần, 17 tín chỉ; kỳ 7: gồm 8 học phần, 16 tín chỉ; và kỳ 8: gồm 2 học phần: 11 tín chỉ).

Đội ngũ cán bộ, giảng viên của Khoa gồm 20 người, trong đó có 19 giảng viên (01 Phó giáo sư, 07 tiến sĩ; 10 thạc sĩ) và 1 cán bộ hành chính (Thạc sĩ). Các cán bộ, giảng viên là những người có năng lực chuyên môn tốt, có tín nhiệm cao của sinh viên trong các đợt lấy ý kiến phản hồi của người học về giảng viên. Chương trình ĐT có 01 đợt thực tế chuyên môn (kiến tập) và 01 đợt thực tập nghề nghiệp cuối khóa. Chương trình được các bên liên quan đánh giá đáp ứng tốt yêu cầu của thực tiễn.

Khoa Tâm lý – Giáo dục hiện đang sử dụng tầng 2 nhà A6 cơ sở chính của Trường với tổng cộng 10 phòng, trong đó: 3 phòng cho lãnh đạo đơn vị, 2 phòng dành cho 2 bộ môn, 1 phòng giáo vụ, 1 phòng công tác học sinh sinh viên, 1 văn phòng khoa, và 2 phòng lưu trữ tài liệu, luận văn của Khoa; Các phòng làm việc được trang bị bàn ghế làm việc, quạt, tủ đựng tài liệu, máy tính được kết nối internet, máy in,...

Các phòng học của sinh viên có đầy đủ bàn ghế, hệ thống quạt, đèn chiếu sáng, loa đài, máy chiếu... đáp ứng với yêu cầu đào tạo.

## 2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Tâm lý học
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Psychology
Mã ngành đào tạo:	7.31.04.01
Trường cấp bằng tốt nghiệp:	Trường Đại học Hồng Đức
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân
Trình độ đào tạo:	Đại học
Số tín chỉ:	124
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Thời gian đào tạo:	4 năm
Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh THPT hoặc tương đương
Thang điểm đánh giá:	10
Điều kiện tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo: 124 tín chỉ</li> <li>- Điểm TBC tích lũy toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên</li> <li>- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng – an ninh và hoàn thành học phần giáo dục thể chất.</li> <li>- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ (đạt bậc 3/6 theo Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam).</li> </ul>
Vị trí việc làm:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm chuyên viên phòng tổ chức cán bộ, phòng nội vụ, phòng nhân sự trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội.</li> <li>- Làm cán bộ tư vấn, tham vấn tại các trung tâm tư vấn tâm lý, các trường học, bệnh viện, trung tâm xã hội...;</li> <li>- Làm cán bộ nghiên cứu tâm lý, trị liệu tâm lý tại các bệnh viện, các trường học, trung tâm xã hội, viện nghiên cứu .</li> </ul>
Học tập nâng cao trình độ:	-Được trang bị kiến thức khoa học cơ bản và chuyên ngành tương đối hoàn chỉnh, đủ để có thể học tập tiếp trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ chuyên ngành Tâm lý học, Quản lý giáo dục, Quản trị nhân sự, Quản trị kinh doanh.
Chương trình tham khảo xây dựng:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương trình Tâm lý học - Trường ĐH SP Hà Nội</li> <li>- Chương trình Tâm lý học - Trường ĐH KHXH&amp;NV Thành phố Hồ Chí Minh</li> <li>- Trường Đại học Thương mại</li> </ul>
Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT	8/2021

### **3. Mục tiêu đào tạo của chương trình**

#### **3.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân trình độ Tâm lý học có phẩm chất chính trị, tư tưởng vững vàng, có đạo đức, lối sống lành mạnh, có sức khỏe; có kiến thức chuyên sâu về Tâm lý học, Tâm lý học chuyên ngành, Quản trị nhân sự; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp vững chắc để tư vấn, tham vấn, trị liệu tâm lý, sử dụng và quản lý người lao động một cách có hiệu quả; có khả năng giải quyết linh hoạt, sáng tạo các tình huống liên quan đến lĩnh vực nghề nghiệp; có trách nhiệm với nghề nghiệp, môi trường và xã hội; có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; có khả năng tự học, tự bồi dưỡng để đáp ứng với yêu cầu của xã hội ngày càng phát triển

#### **3.2. Mục tiêu cụ thể:**

PO1: Người học nắm vững kiến thức Ngữ âm, Ngữ pháp, Từ vựng và các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh để có thể giao tiếp được bằng tiếng Anh tương đối thành thạo trong các lĩnh vực đời sống, xã hội.

PO2: Sinh viên được cung cấp hệ thống tri thức lý luận Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách, Pháp luật của Nhà nước. Trên cơ sở đó, hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng; tạo dựng được niềm tin vững chắc vào vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam; nâng cao bản lĩnh chính trị và ý thức công dân, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh.

PO3: Người học được cung cấp kiến thức cơ bản và kỹ năng về máy vi tính, hệ điều hành Microsoft Windows, mạng máy tính và Internet, các phần mềm tiện ích thông dụng (trình duyệt Web, thư điện tử), phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft WORD), phần mềm xử lý bảng tính (Microsoft EXCEL), phần mềm trình chiếu (Microsoft POWERPOINT).

PO4: Có được hệ thống kiến thức cơ bản về vị trí địa lý, kinh tế, văn hóa Việt Nam; môi trường và con người; vận dụng được kiến thức liên ngành vào học tập và phục vụ công tác chuyên môn, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm công dân trong việc gìn giữ, bảo vệ môi trường và bản sắc văn hóa Việt Nam.

PO5: Người học được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về tâm lý để nghiên cứu, phát hiện, giải quyết các hiện tượng tâm lý con người trong đời sống và trong hoạt động nghề nghiệp..

PO6: Người học được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về tham vấn, tư vấn, trị liệu tâm lý ... để nghiên cứu, phát hiện các khó khăn tâm lý, các rối nhiễu tâm lý, thực hiện việc tham vấn, tư vấn tâm lý; xây dựng kế hoạch và tiến hành trị liệu tâm lý.

PO7: Người học có kiến thức cơ bản về quản trị nhân lực, thị trường lao động, định mức lao động, thang bảng lương, các chế độ chính sách... để sử dụng và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của các cơ quan, doanh nghiệp hiện nay.

PO8: Người học có khả năng làm việc nhóm, có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo.

#### 4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ngành Tâm lý học, người học có thể:

PLO1: Sinh viên đạt được năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam.

PLO2: Sinh viên phân tích và đánh giá được những kiến thức lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách, Pháp luật của Nhà nước; vận dụng được những nguyên lý, những quy luật, những luận điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra trong quá trình học tập, tu dưỡng, rèn luyện của bản thân đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

PLO3: Người học trình bày được khái niệm về thông tin, các phương pháp biểu diễn thông tin; sử dụng thành thạo máy tính với hệ điều hành Windows; sử dụng thành thạo thư điện tử, tìm kiếm, xử lý thông tin trên Internet; sử dụng thành thạo phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft WORD), phần mềm xử lý bảng tính (Microsoft EXCEL), phần mềm trình chiếu (Microsoft POWERPOINT) phục vụ công tác chuyên môn.

PLO4: Hiểu, phân tích được thực trạng phát triển kinh tế của Việt Nam; các thành tố văn hóa, không gian và thời gian văn hóa; về môi trường và con người; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế- xã hội; vận dụng vào việc giải quyết những vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên môn và phát triển nghề nghiệp.

PLO5: Phân tích được các biểu hiện tâm lý đa dạng của con người trong cuộc sống và trong hoạt động nghề nghiệp.

PLO6: Người học vận dụng các kiến thức tâm lý học để từ đó nghiên cứu, phát hiện, điều khiển, điều chỉnh các đặc điểm tâm lý của con người trong cuộc sống và trong hoạt động nghề nghiệp.

PLO7: Phân tích được những kiến thức chuyên sâu về tham vấn, tư vấn, tâm bệnh, trị liệu tâm lý ...trong cuộc sống và trong hoạt động nghề nghiệp.

PLO8: Người học vận dụng các kiến thức chuyên sâu về tham vấn, tư vấn.. để từ đó có khả năng nghiên cứu, phát hiện các khó khăn tâm lý, các rối nhiễu tâm lý; sử dụng phương pháp, phương tiện tiếp cận với đối tượng một cách phù hợp; hỗ trợ, thực hiện việc tham vấn, tư vấn tâm lý.

PLO9: Người học vận dụng các kiến thức chuyên sâu về tâm bệnh, trị liệu tâm lý...để nghiên cứu, phát hiện các vấn đề của đối tượng từ đó tiếp cận, thiết lập mối quan hệ giao tiếp; xây dựng kế hoạch và tiến hành trị liệu tâm lý.

PLO10: Phân tích được chế độ chính sách, thang bảng lương, thị trường lao động, định mức lao động, các vấn đề về quản trị nguồn nhân lực...trong công tác quản trị nhân sự.

PLO11: Người học vận dụng kiến thức Quản trị nhân sự vào việc xây dựng, đánh giá định mức lao động, thang bảng lương, thực hiện các chế độ chính sách; tuyển dụng, sắp xếp,



quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực tại các cơ quan, doanh nghiệp hiện nay.

PLO12: Có tư duy phản biện, độc lập và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề; có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả và chuyên nghiệp.

PLO13: Có năng lực chịu trách nhiệm cá nhân trước quyết định của mình trong công việc; Có ý thức trách nhiệm với xã hội; tự thích nghi với môi trường làm việc thay đổi; tự học tập, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp.

### 5. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

- Tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), TCCN, CĐ, ĐH
- Phương thức tuyển sinh và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào thực hiện theo quy định hiện hành (được cụ thể hóa trong đề án tuyển sinh hàng năm). Sử dụng kết quả kì thi THPT hoặc kết hợp cả kết quả thi THPT quốc gia và kết quả học tập THPT.
- Về tổ hợp xét tuyển: Toán-Hóa- Sinh; Văn - Sử - Địa; Văn -Sử - Giáo dục công dân và Văn-Toán -Anh

### 6. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu CTĐT	Chuẩn đầu ra của CTĐT												
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13
PO1	3												3
PO2		4										3	
PO3			4										3
PO4				4								2	
PO5					4	2						2	3
PO 6							4	2	2			2	3
PO7										4	2	3	2
PO8					3		3			3		4	

Ghi chú: Số cột tùy thuộc vào chuẩn đầu ra của mỗi nhóm; số dòng tùy thuộc vào mục tiêu, ghi mức độ đạt được tương ứng giữa mục tiêu với chuẩn đầu ra, trong đó:

- Đối với kiến thức: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo.
- Đối với kỹ năng: 1-Bắt chước; 2-Vận dụng; 3-Chính xác; 4-Thành thạo; 5-Bản năng.
- Đối với năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: 1-Tiếp nhận; 2-Hồi đáp; 3-Đánh giá; 4-Tổ chức; 5-Tính cách.

### 7. Phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá

#### 7.1. Phương pháp dạy - học

##### 7.1.1. Chuẩn bị của giảng viên

Dựa vào đề cương chi tiết học phần đã được khoa phê duyệt, giảng viên chuẩn bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm kiến thức, kỹ năng, thái độ cần đạt được của học phần). Mỗi học phần có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau do đó giảng viên cần nắm rõ đặc điểm tình hình của lớp học để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho



khi kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết. Hàng năm giảng viên cập nhật lại bài giảng, tìm hiểu và đưa vào những kiến thức mới và mang tính thực tiễn gắn với ngành Tâm lý học.

### **7.1.2. Các phương pháp dạy - học**

Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp dạy học truyền thống và phương pháp dạy học hiện đại trong quá trình giảng dạy, sử dụng công nghệ thông tin trong quá trình dạy học nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo, linh hoạt của sinh viên trong học tập. Các phương pháp dạy học chủ yếu được áp dụng trong quá trình dạy học như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho các tiết lý thuyết); Phương pháp động não, đặt vấn đề, thảo luận nhóm, tình huống (áp dụng cho các tiết thảo luận, bài tập); Phương pháp thực nghiệm, mô phỏng, quan sát (áp dụng cho các tiết thực hành)

### **7.1.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học**

Thực hiện thông qua tự đánh giá của giảng viên, phản hồi của sinh viên và của đồng nghiệp. Thông qua kết quả thu được của mỗi bài giảng, bài kiểm tra của sinh viên, giảng viên tự đánh giá chất lượng bài giảng và không ngừng tìm hiểu nâng cao kiến thức, kinh nghiệm thực tế cũng như phương pháp truyền thụ để cải tiến chất lượng dạy học. Trong buổi học đầu tiên của học phần, giảng viên cung cấp các thông tin cá nhân và các kênh liên lạc để trao đổi học thuật và nhận phản hồi góp ý từ phía sinh viên. Trong quá trình dạy học, bộ môn quản lý học phần và Khoa tiến hành dự giờ thường xuyên và dự giờ đột xuất nhằm đánh giá, rút kinh nghiệm và góp ý kiến cho giảng viên về nội dung bài dạy. Ngoài việc nhà trường phát phiếu đánh giá người dạy cho sinh viên sau mỗi học phần, Khoa và bộ môn còn định kỳ tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn học thuật, trao đổi kiến thức, kinh nghiệm trong giảng dạy.

## **7.2. Các phương thức đánh giá việc học**

- Đánh giá quá trình: Được tiến hành thường xuyên dựa theo tiến trình đã được nêu trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 20% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Hình thức đánh giá thông qua hỏi đáp nhanh, kiểm tra miệng, bài tập nhóm, bài kiểm tra 15 phút, câu hỏi trắc nghiệm.

- Đánh giá giữa kỳ: Được thực hiện trong khoảng tuần 7 trong tiến trình đào tạo, đã được xác định trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 30% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Các hình thức đánh giá bao gồm: bài kiểm tra 1 tiết, vấn đáp, bài tập lớn hoặc đồ án môn học.

- Đánh giá cuối kỳ: Được thực hiện thông qua bài thi cuối kỳ do Phòng Quản lý đào tạo xếp lịch, trọng số 50% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Hình thức thi theo đề xuất của bộ môn và phải được Nhà trường phê duyệt, các hình thức bao gồm: viết, vấn đáp, đồ án môn học, trắc nghiệm, thực hành.

## **II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**

### **1. Cấu trúc chương trình dạy học**

TT	Khối kiến thức, số TC	Loại HP	Số TC
1	Kiến thức giáo dục đại cương, 39 tín chỉ	Bắt buộc	35
		Tự chọn	04
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, 85 tín	Bắt buộc	61

	chỉ	Tự chọn	24
2.1.	Kiến thức cơ sở: 5 TC	Bắt buộc	5
		Tự chọn	0
2.2	Kiến thức ngành TLH: 41 TC	Bắt buộc	29
		Tự chọn	10
2.3	Kiến thức bổ trợ (QTNS): 24 TC	Bắt buộc	16
		Tự chọn	8
2.4	Kiến thức rèn nghề, thực tập: 09 tín chỉ	Bắt buộc	09
		Tự chọn	0
2.5	Khóa luận/học phần thay thế: 06 tín chỉ	Bắt buộc	0
		Tự chọn	06
<b>Tổng số: 124 TC</b>			

## 2. Danh sách và mô tả các học phần

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
1	196055	Triết học Mác Lê Nin (3 TC)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần Triết học Mác – Lênin bao gồm 3 chương. Chương 1: Trình bày khái quát về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triển của triết học Mác – Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội. Chương 2: Trình bày quan điểm của triết học Mác – Lênin về vật chất, ý thức; các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; lý luận nhận thức. Chương 3: Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và triết học về con người.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học nắm vững lý luận triết học Mác – Lênin, trên cơ sở đó xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng lý luận đó để nhận thức và cải tạo thế giới; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <p>1. Bộ GD &amp; ĐT, (2021), <i>Giáo trình Triết học Mác-Lênin, Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.</p> <p>2. Bộ Giáo dục &amp; ĐT, (2015), <i>Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> (Dành cho sinh viên ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb CTQG.</p> <p><b>*Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>3. Nguyễn Ngọc Long, Nguyễn Hữu Vui (2005), <i>Giáo trình triết học Mác-LêNin</i> (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng) H: CTQG.</p> <p>4. Nguyễn Hữu Vui (1997), <i>Lịch sử triết học</i>, NXB CTQG.</p>
2	196060	Kinh tế chính trị Mác Lê	<p>- <i>Nội dung học phần gồm:</i> Nội dung học phần bao gồm 6 chương: Trong đó chương 1 trình</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <p>1. Bộ GD &amp; ĐT (2021), <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-</i></p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
		Nin (2TC)	<p>bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 trình bày những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i>  Người học biết vận dụng kiến thức của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động, sáng tạo; Vận dụng các vấn đề lý luận đã học để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.</p>	<p><i>Lênin, (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.</i></p> <p>2. Bộ Giáo dục &amp; ĐT (2004), <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i>, NXB CTQG.</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>3. Văn kiện đảng toàn tập tập tập: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12 (2002, 2002, 1999,1999,2002,2000,2000,2000,2001,2001, 2001, 2001), NXB CTQG.</p>
3	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học (2TC)	<p>- <i>Nội dung học phần gồm:</i> Học phần có 7 chương, cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học: xác định đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học; quá trình hình thành, phát triển CNXHKKH; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; CNXH và các vấn đề xã hội, giai cấp, dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học có được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức về chủ nghĩa xã hội vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <p>1. Bộ GD &amp; ĐT (2021), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị)</i>, NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>2. <i>Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Dành cho sinh viên ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh)</i>, (2015), Nxb CTQG.</p> <p>3. <i>Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học: Dùng trong các trường ĐH,CĐ/ Bộ giáo dục đào tạo</i> (2008), H: CTQG.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta. Sinh viên lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	
4	199030	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2 TC)	<p>- Nội dung của học phần: Học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam bao gồm 3 chương và chương nhập môn. Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam. Chương 1: Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945). Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975). Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới đất nước (1975- đến nay).</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học nắm vững về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam; vai trò lãnh đạo của Đảng đối với đối với tiến trình cách mạng Việt Nam từ khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời đến nay. Xác lập được niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay. Từ đó thấy được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong công cuộc đổi mới đất nước do Đảng khởi xướng và lãnh đạo.</p>	<p><b>* Giáo trình</b></p> <p>1. Bộ GD&amp;ĐT (2021), <i>Lịch sử Đảng CSVN</i>, Nxb CTQGST.</p> <p>2. Bộ GD&amp;ĐT (2006), <i>Lịch sử Đảng CSVN</i>, Nxb CTQG.</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>3. Bộ GD&amp;ĐT (2007), <i>Một số chuyên đề Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, tập I,II,III</i>, Nxb CTQG.</p> <p>4. <i>Văn kiện Đảng toàn tập tập I,II,III,IV,V,VI,VII,VIII,IX,X,XI,XII,XIII</i> (2002, 2002, 1999,1999,2002,2000,2000,2000,2001,2001, 2001, 2001) NXB CTQG.</p>
5	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh (2TC)	<p>- Nội dung học phần: gồm 6 chương: Chương 1, 2 trình bày khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn</p>	<p><b>* Giáo trình</b></p> <p>1. Bộ Giáo dục &amp; Đào tạo (2021), <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>. Nxb Chính trị quốc gia sự thật</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>2. Bộ Giáo dục và đào tạo (2019), <i>Giáo trình tư tưởng Hồ</i></p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>học</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học hiểu đúng hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và vai trò tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Từ đó hình thành cho người học năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác để rèn luyện và hoàn thiện bản thân trên lập trường quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Biết vận dụng kiến thức đã học để lý giải, đánh giá đúng đắn các hiện tượng xã hội, qua đó thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo đất nước của Đảng cộng sản Việt Nam.</p>	<p><i>Chí Minh (dự thảo)</i></p> <p>3. Hồ Chí Minh (2016), <i>Biên niên tiểu sử</i> (10 tập), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội</p> <p>4. Hồ Chí Minh (2011), <i>Toàn tập</i>, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội</p> <p>5. Võ Nguyên Giáp (2008), <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam</i>, Nxb Chính trị quốc gia.</p>
6	197030	Pháp luật đại cương (2 TC)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Để đạt được mục tiêu đó, nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật, đồng thời có sự liên hệ với nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp những kiến thức pháp lý cơ bản luật một số ngành luật gồm: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.</p> <p>-<i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên vận dụng được kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư; phân biệt được tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày; có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội.</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <p>1. Lê Văn Minh (chủ biên), (2016), <i>Pháp luật đại cương</i>, Nxb Lao động (Quyển 1).</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>2. Lê Minh Toàn (chủ biên), (2012), <i>Giáo trình pháp luật đại cương</i>, Nxb Chính trị Quốc gia (Quyển 1).</p> <p>3. Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan, (2015), <i>Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật</i>, Nxb Công an nhân dân (Quyển 2).</p>
7	121005	Cơ sở văn hoá	<p>-<i>Nội dung học phần:</i> Những tri thức liên quan đến văn hoá Việt</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <p>1. Trần Ngọc Thêm (2000), <i>Cơ</i></p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
		Việt Nam (2 TC)	<p>Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên trình bày được những thành tố cơ bản của văn hóa; nhận diện, phân tích, đánh giá những hiện tượng văn hóa Việt Nam từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc; vận dụng vào việc phân tích, giải thích các hiện tượng văn hóa trong đời sống hiện nay.</p>	<p>sở văn hoá VN, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Trần Quốc Vượng (2002), <i>Cơ sở văn hoá VN</i>, Nxb Giáo dục</li> <li>Đào Duy Anh (2002), <i>Việt Nam văn hóa sử cương</i>, Nxb Văn hóa thông tin</li> <li>Phan Kế Bính (1999), <i>Việt Nam phong tục</i>, Nxb Văn học</li> </ol>
8	125085	Kinh tế và phát triển (2 TC)	<p><i>Nội dung:</i> Môn học cung cấp kiến thức về: sự ra đời và đặc điểm của nhóm các nước đang phát triển; sự cần thiết phải lựa chọn con đường phát triển kinh tế phù hợp với các quốc gia này. Hệ thống chỉ tiêu đánh giá tăng trưởng và phát triển kinh tế, phát triển bền vững của các quốc gia. Hệ thống kiến thức về các yếu tố đầu vào trong phát triển kinh tế của một quốc gia; Nội dung của các lý thuyết và mô hình phát triển kinh tế tiêu biểu trên thế giới, tìm hiểu về mô hình phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam. Các vấn đề nảy sinh trong quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế như: công bằng xã hội, nghèo đói, bất bình đẳng, ... Vai trò, đặc điểm và định hướng phát triển của các ngành kinh tế: nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ,... trong nền kinh tế các nước đang phát triển. Những chiến lược, chính sách đổi mới nền KTXH và thành tựu phát triển KTXH của Việt Nam.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Vũ Thị Ngọc Phùng (2005), <i>Giáo trình kinh tế phát triển</i>, NXB Lao động xã hội, Hà Nội</li> </ol> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên) (2005), <i>Địa lí kinh tế - xã hội đại cương</i>. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.</li> <li>Ngô Thắng Lợi (chủ biên), (2010), <i>Giáo trình kinh tế phát triển</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân</li> <li>Phạm Ngọc Linh, Nguyễn Thị Kim Dung (đồng chủ biên) (2008), <i>Giáo trình Kinh tế phát triển (dùng cho sinh viên ngoài chuyên ngành)</i>, NXB đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.</li> </ol> <p>5. Trang website:</p> <p>- Dữ liệu từ ngân hàng thế giới: <a href="https://data.worldbank.org/">https://data.worldbank.org/</a></p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>nhận thức được vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế; nguyên tắc, bài học trong quá trình đi lên trở thành một quốc gia phát triển. Người học đạt được năng lực đánh giá; phân tích các nguồn lực và các mô hình, lý thuyết của tăng trưởng và phát triển kinh tế, hiểu rõ vai trò vị trí của các ngành kinh tế trong mục tiêu tăng trưởng, phát triển của các quốc gia; biết nhìn nhận đúng đắn các vấn đề KTXH phát sinh trong quá trình phát triển của đất nước cũng như từng địa phương, từ đó có thể xác định những giải pháp mang tính hệ thống, hài hòa, phù hợp để thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam.</p>	
9	182020	Khoa học quản lý (2TC)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm 12 chương. Đó là hệ thống những lý luận cơ bản về quản lý và khoa học quản lý. Nội dung chủ yếu của học phần tập trung làm rõ nhập môn khoa học quản lý, vai trò, chức năng quản lý, việc vận dụng quy luật trong quản lý; Lịch sử các tư tưởng quản lý; Các khái niệm, phạm trù, phương pháp, nguyên tắc khoa học quản lý. Kiến thức về cơ cấu tổ chức quản lý, thông tin quản lý, quyết định quản lý, Tổ chức khoa học lao động và cán bộ quản lý.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Giúp sinh viên sau khi học xong học phần nắm được những yêu cầu và nội dung cơ bản của việc quản lý từ đó có khả năng vận dụng những quy luật và nguyên tắc, phương pháp quản lý vào thực tiễn, vào hoạt động quản lý, lãnh đạo, quản trị nhân sự ở các ngành, các cấp, các tổ chức cơ sở, biết xử lý đúng đắn, phù hợp với các</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hồ Văn Vĩnh (chủ biên), (2006), <i>Giáo trình khoa học quản lý</i>, NXB Lý luận chính trị.</li> <li>2. Nguyễn Đức Lợi, (2008), <i>Giáo trình Khoa học quản lý</i>, NXB Tài chính.</li> </ol> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>3. Harold Koontz (2004), <i>Những vấn đề cốt yếu của quản lý</i>, NXB Khoa học và kỹ thuật.</li> <li>4. Đoàn Thị Thu Hà (2008), <i>Giáo trình khoa học quản lý</i>, tập 2. NXB Khoa học và kỹ thuật.</li> </ol>



TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>tình huống quản lý do thực tiễn đặt ra.</p>	
10	123050	Kỹ thuật soạn thảo văn bản (2 TC)	<p><i>-Nội dung học phần:</i> Những tri thức cơ bản chung nhất về kỹ thuật soạn thảo về trình bày văn bản bao gồm: hoạt động giao tiếp và văn bản, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản, phong cách ngôn ngữ hành chính công vụ, quy trình soạn thảo và ban hành văn bản; Tri thức về kỹ thuật soạn thảo và trình bày các văn bản hành chính công vụ có tính chất thông dụng.</p> <p><i>- Năng lực đạt được:</i> Sinh viên soạn thảo được các loại văn bản thông dụng trong hoạt động xã hội, đánh giá các loại văn bản theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <p>1. Vương Thị Kim Thanh, (2011), <i>Giáo trình Kỹ thuật soạn thảo và trình bày văn bản</i>, Nxb Lao động - xã hội,</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>2. Nguyễn Đăng Dung (Chủ biên) Nguyễn Hoàng Anh – Võ Trí Hào (2013), <i>Giáo trình kỹ thuật soạn thảo văn bản</i>, Nxb ĐHQGHN</p> <p>3. Phạm Hải Hưng (2007), <i>Bộ văn bản mẫu và bài tập môn soạn thảo văn bản</i>, NXB Lao động – xã hội.</p>
<i>Tự chọn 1 trong 2 học phần sau:</i>				
11	123240	Xã hội học đại cương (2 TC)	<p><i>-Nội dung học phần:</i> Đối tượng, chức năng, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học, một số khái niệm quan trọng trong xã hội học: tương tác xã hội, hành động xã hội, thiết chế xã hội, nhóm xã hội, xã hội hóa, di động xã hội, phân tầng xã hội, biến đổi xã hội..., phương pháp nghiên cứu cơ bản của xã hội học, mối quan hệ của xã hội học với các ngành khoa học khác.</p> <p><i>- Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nhận diện, phân tích được các quy luật của sự nảy sinh, biến đổi và phát triển của các sự kiện, hiện tượng xã hội, hành vi con người trong mối quan hệ với xã hội.</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <p>1. Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng (đồng chủ biên) (2008), <i>Xã hội học</i>, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>2. Lê Ngọc Hùng (2001), <i>Lý thuyết và lịch sử xã hội học</i>, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.</p> <p>3. Nguyễn Sinh Huy (2008), <i>Xã hội học đại cương</i>, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.</p>
	122005	Các vấn đề xã hội đương đại (2 TC)	<p><i>-Nội dung học phần:</i> Khái niệm, nguồn gốc và ý nghĩa của việc nghiên cứu các vấn đề xã hội, các vấn đề xã hội, vai trò của nhân viên công tác xã hội trong</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <p>1. Phạm Di (2018), <i>Vấn đề xã hội Lý thuyết và vận dụng</i>, NXB Chính trị quốc gia sự thật. Hà Nội</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>việc tham gia giải quyết các vấn đề xã hội đang tồn tại trong xã hội hiện nay như: vấn đề nghèo đói, vấn đề mại dâm, vấn đề HIV/AIDS, vấn đề ma túy, vấn đề người khuyết tật...</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có năng lực phân tích nguồn gốc vấn đề, phạm vi, mức độ tác động đến xã hội và đưa ra được chương trình can thiệp đến các vấn đề xã hội đó. Ngoài ra sinh viên biết vận dụng linh hoạt các vai trò của nhân viên công tác xã hội trong giải quyết các vấn đề xã hội khác nhau.</p>	<p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>2. Bùi Đình Thanh (2008), <i>Xã hội học và Chính sách xã hội</i>, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.</p> <p>3. Nguyễn Tiệp (Chủ biên) (2011), <i>Giáo trình Chính sách xã hội</i>, NXB Lao động xã hội, Hà Nội.</p>
	<i>Tự chọn 1 trong 2 học phần sau:</i>			
12	126026	Xã hội học giới (2TC)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giới gồm: Khái niệm, đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, lý thuyết cấu giới, giới và các mối quan hệ của giới.</p> <p>Môn học làm rõ sự khác biệt giữa giới và giới tính; vai trò giới, bình đẳng và bất bình đẳng giới; định kiến giới và xã hội hoá về giới. Môn học còn cung cấp các công cụ trong phân tích và lồng ghép giới trong quá trình phát triển; giới trong các vấn đề của đời sống xã hội và gia đình.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nhận diện và phân tích đưa ra các quy luật phát triển của các vấn đề về giới, năng lực tư vấn các chính sách về giới cho doanh nghiệp và nhà nước.</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <p>1. Lê Thị Quý (2009), <i>Giáo trình Xã hội học giới</i>, Nxb Giáo dục Việt Nam.</p> <p>2. Hoàng Bá Thịnh (2008), <i>Giáo trình Xã hội học về giới</i>, Nxb ĐHQG Hà Nội.</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>3. Trường Đại học Lao động – Xã hội (2015), <i>Giới và phát triển</i>, Nxb LĐ – XH</p> <p>4. Nguyễn Thị Thuận, Ngô Minh Hương (2008), <i>Phương pháp lồng ghép giới trong xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam</i>, Nxb LĐXH.</p>
	124226	Tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội ở Việt Nam (2TC)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản, hệ thống về các vấn đề liên quan đến văn hoá, tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội ở Việt Nam. Kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức, kỹ năng, phương pháp</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <p>1. Lê Trung Vũ (Chủ biên) (1992), <i>Lễ hội cổ truyền</i>, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>2. Trần Ngọc Thêm (1997), <i>Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam</i>,</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>nghiên cứu chuyên ngành cơ bản.</p> <p><i>- Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hướng dẫn, giải thích được về các hiện tượng tôn giáo, tín ngưỡng và lễ hội dân gian ở Việt Nam truyền thống và hiện tại.</p>	<p>Nxb. Tổng hợp, Tp. Hồ Chí Minh.</p> <p>3. Ngô Đức Thịnh (2007), <i>Về tín ngưỡng và lễ hội cổ truyền</i>, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội</p>
13	173080	Tin học (2 TC)	<p><i>- Nội dung học phần:</i> Các kiến thức cơ bản về thông tin và xử lý thông tin, cấu trúc chung của máy tính, biểu diễn thông tin trong máy tính. Các khái niệm về dữ liệu, phần cứng, phần mềm, hệ điều hành, mạng máy tính, Internet và virus máy tính. Tìm kiếm và khai thác, sử dụng tài nguyên thông tin trên máy tính và trên Internet. Sử dụng các phần mềm soạn thảo văn bản Word, phần mềm xử lý bảng tính Excel và phần mềm trình chiếu Powerpoint.</p> <p><i>- Năng lực đạt được:</i> Sinh viên sử dụng máy tính đúng cách, tổ chức dữ liệu trên máy tính một cách khoa học, có hệ thống; khai thác các tài nguyên trong máy tính và trên mạng Internet một cách an toàn, hiệu quả; sử dụng thành thạo các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, trình chiếu, dịch vụ Email để phục vụ việc học tập, nghiên cứu và làm việc.</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <p>1. Nguyễn Ngọc Cương, Vũ Chí Quang (2015), <i>Giáo trình tin học cơ sở</i>, NXB ĐHSP.</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>2. Lê Thị Hồng (CB) – Phạm Thế Anh - Phạm Thị Hồng, (2010), <i>Tin học căn bản</i>, Nxb KH&amp;KT.</p> <p>3. Hàn Viết Thuận (2007), <i>Giáo trình Tin học đại cương</i>, Nxb ĐHQTKD.</p>
14	118001/125105	Môi trường và con người (2 TC)	<p><i>- Nội dung học phần:</i> Khái niệm, phân loại môi trường; các vấn đề về tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường; thực trạng, nguyên nhân và hậu quả ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước,... trên thế giới cũng như ở Việt Nam; các biện</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <p>1. Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011), <i>Giáo trình Môi trường và con người</i>, Nxb GD</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>2. Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan (2011), <i>Giáo trình môi trường và con người</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>3. Luật An toàn, <i>Vệ sinh lao động số 84/2015/QH 13</i></p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; các vấn đề về an toàn lao động trong sản xuất và cuộc sống.</p> <p>-<i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên biết phát hiện và giải quyết tốt các tình huống sinh thái, môi trường trong cuộc sống; tính toán, phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó đánh giá một cách định tính và định lượng các yếu tố này trong việc sử dụng tài nguyên và BVMT; xây dựng được kế hoạch và thực hiện tốt các kỹ năng về vệ sinh và an toàn lao động.</p>	<p>4. Mai Đình Yên (chủ biên) (1997), <i>Môi trường và con người</i>, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.</p>
15	133031	Tiếng Anh 1 (4 TC)	<p>- <i>Nội dung học phần gồm</i>: Học phần gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình English File Elementary (3rd edition) và giáo trình <i>Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A</i>. Ngữ âm: Giới thiệu và luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA. Ngữ pháp: Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp như: đại từ nhân xưng, động từ “to be”, danh từ, tính từ sở hữu, mạo từ, động từ, tân ngữ, đại từ sở hữu, đại từ phản thân, tính từ, trạng từ, so sánh tính từ, trạng từ, giới từ, hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, be going to, tương lai đơn, hiện tại hoàn thành. Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gắn gũi với cuộc sống hàng ngày.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng,</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <p>1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson (2012), <i>English File-Elementary 3<sup>rd</sup> edition</i>. Oxford University Press.</p> <p>2. Nguyễn Thị Quyết (2018), <i>Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A</i>. Nhà xuất bản Thanh Hoá.</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>3. Raymond Murphy (2013), <i>Grammar in use. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành</i>. NXB Thời đại</p> <p>4. Cambridge ESOL (2011), <i>Cambridge Preliminary English Test 2</i>. Cambridge University Press</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>thái độ để nghe hiểu những bài nói đơn giản về các chủ đề quen thuộc ở mức độ A2. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc dù có thể đôi lúc vẫn còn ngập ngừng. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để viết các dạng văn bản khác nhau ở trình độ tiên A2 như văn miêu tả, kể chuyện, mẫu đơn, thư tín, thư điện tử,... Người học có khả năng sáng tạo trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp trong học tập. Người học có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trong Tiếng Anh.</p>	
16	133032	Tiếng Anh 2 (3TC)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình Ngữ Pháp căn bản Tiếng Anh (Trình độ B) và English File Pre-Intermediate (3rd edition). Ngữ âm: Giới thiệu và luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA, trọng âm từ, trọng âm câu. Ngữ pháp: Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp như: các thì trong tiếng Anh, động từ khuyết thiếu, câu điều kiện, câu giả định, thể bị động, lời nói gián tiếp, danh động từ và động từ nguyên thể, cấu trúc used to, be used to.... Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson (2011), <i>English File Pre-Intermediate 3<sup>rd</sup> edition</i>. Nhà xuất bản Văn hóa thông tin.</li> <li>2. Nguyễn Thị Quyết (2018), <i>Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ B</i>. Nhà xuất bản Thanh Hoá.</li> </ol> <p><b>* Tài liệu tham khảo:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>3. Cambridge ESOL (2013), <i>Cambridge Preliminary English Test 3</i>. Cambridge University Press</li> <li>4. Cambridge ESOL (2014), <i>Cambridge Preliminary English Test 4</i>. Cambridge University Press</li> </ol>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>ngày. Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở dạng làm quen ban đầu. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình <i>Clive Oxenden, Christina Latham – Koenig and Paul Seligson, 2013. English File – Elementary 3<sup>rd</sup> Edition</i>. Oxford University Press.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để nghe hiểu những bài nói đơn giản về các chủ đề quen thuộc ở mức độ A2. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc dù có thể đôi lúc vẫn còn ngập ngừng. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để viết các dạng văn bản khác nhau ở trình độ A2 như văn miêu tả, kể chuyện, mẫu đơn, thư tín, thư điện tử,... Người học có khả năng sáng tạo trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp trong học tập. Người học có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trong Tiếng Anh.</p>	
17	133033	Tiếng Anh 3 (2 C)	<p>- <i>Nội dung học phần gồm</i>: Học phần gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình English File Pre-Intermediate (3<sup>rd</sup> edition) và Target PET. Từ vựng: Bổ sung hệ thống từ vựng sử dụng trong hầu hết các tình huống giao tiếp thông thường. Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói,</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson (2011), <i>English File-Pre-intermediate 3<sup>rd</sup> edition</i>. Oxford University Press.</li> <li>2. Sue Ireland, Joanna Kosta. <i>Target PET</i>. Richmond Publishing.</li> </ol> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>3. Cambridge ESOL (2011), <i>Cambridge Preliminary English</i></li> </ol>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>viết ở trình trung cấp. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình: <i>Clive Oxenden, Christina Latham – Koenig and Paul Seligson, 2013. English File – Pre-intermediate 3 rd Edition. Oxford University Press</i> và <i>Sue Ireland, Joanna Kosta. Target PET. Richmond Publishing.</i></p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để để đáp ứng được năng lực bậc 3/6 theo KNLNNVN, có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để tạo tiền đề nghiên cứu tiếp những bậc cao hơn, có khả năng sáng tạo trong quá trình đặt kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp, có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ của mình.</p>	<p><i>Test 5, Cambridge University Press</i>  4. <i>Cambridge ESOL (2015), Cambridge Preliminary English Test 6, Cambridge University Press</i></p>
18	117020	Giải phẫu và sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao (3 TC)	<p>Giải phẫu – Sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao là bộ môn khoa học nghiên cứu hoạt động của bán cầu đại não trong việc tiếp nhận và xử lý thông tin. Hoạt động này được thực hiện thông qua các phản xạ và các quá trình ức chế phản xạ có điều kiện theo những quy luật nhất định.</p> <p>Môn học Giải phẫu – Sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về cấu tạo của hệ thần kinh trung ương và các quy luật hoạt động sinh lý thần kinh cấp cao cơ bản cần thiết cho việc đánh giá khả năng thích ứng của cơ thể với môi trường sống. Điều</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đỗ Công Huỳnh (2007), <i>Giáo trình Sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao</i>, ĐHQG HN.</li> <li>2. Tạ Thúy Lan (2002), <i>Sinh lý học thần kinh tập II</i>. Nxb ĐHSP Hà Nội.</li> <li>3. Nguyễn Văn Yên (2003), <i>Giải phẫu người</i>, Nxb. ĐHQG Hà Nội.</li> <li>4. Nguyễn Quang Mai, Trần Thúy Nga, Quách Thị Tài (2001), <i>Giải phẫu sinh lý người (tập 2)</i>. Nxb Giáo dục</li> </ol> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>5. Mai Văn Hưng (chủ biên), Nguyễn Quang Mai, Trần Thị</li> </ol>



TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với hoạt động giáo dục trong nhà trường các cấp cũng như làm cơ sở sinh lý học cho khoa học xã hội, y học...</p> <p>Năng lực: Xác định được đối tượng, nhiệm vụ, vai trò của môn học; phân tích, tổng hợp, khái quát hóa được kiến thức về cấu tạo và chức phận của hệ thần kinh, các quy luật hoạt động của bán cầu đại não, mối liên hệ giữa phản xạ và tâm lý; giải thích được cơ sở khoa học của các hiện tượng tâm lý ở các lứa tuổi, các nghề nghiệp trong các điều kiện khác nhau; có kỹ năng tìm kiếm và lựa chọn kiến thức để dùng vào những mục đích riêng biệt. Có khả năng ứng dụng các kiến thức đã học về giải phẫu- Sinh lý thần kinh cấp cao để giải quyết các vấn đề thực tiễn</p>	<p>Loan (2011), <i>Sinh lí người và động vật, tập 2</i>, NXB Khoa học Kỹ thuật.</p> <p>6. Trịnh Hữu Hằng, Đỗ Công Huỳnh (2007), <i>Sinh lý học Người và Động vật</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.</p> <p>7. Tạ Thúy Lan, Trần Thị Loan (2004), <i>Giải phẫu – Sinh lý người</i> Nx,b ĐHSP Hà Nội.</p>
19	181012	Kỹ năng sống (2 TC)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm những vấn đề chung của kỹ năng sống như: Khái niệm, nội dung, ý nghĩa của kỹ năng sống; Quan niệm và nội dung kỹ năng sống của học sinh lứa tuổi mầm non, phổ thông và sinh viên; nội dung quy trình thiết kế các chủ đề hình thành và phát triển những kỹ năng sống cốt lõi</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học thiết kế được quy trình rèn luyện để hình thành và phát triển kỹ năng sống; tự xác định được các bước thiết kế, tổ chức rèn luyện và phát triển những kỹ năng sống cốt lõi phù hợp với học sinh qua từng lứa tuổi.</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <p>1. Huỳnh Văn Sơn (2009), <i>Nhập môn kỹ năng sống</i>, Nxb Giáo dục, Việt Nam</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>2. Nguyễn Thanh Bình - Lê Thị Thu Hà - Đỗ Khánh Năm - Nguyễn Thị Quỳnh Phương (2017), <i>Giáo trình chuyên đề giáo dục kỹ năng sống</i>, Nxb Đại học Sư phạm</p> <p>3. Nguyễn Công Khanh (2014), <i>Phương pháp giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống: Giúp bạn gạt hái sự thành công</i>, Nxb Đại học Sư phạm.</p>
20	181023	Tâm lý học đại	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần này đề cập những nội dung về</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <p>1. Nguyễn Quang Uẩn (chủ</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
		ương (4TC)	<p>bản chất của tâm lý người; Cơ sở tự nhiên và xã hội của tâm lý người, gồm các vấn đề: cơ sở sinh lý thần kinh của tâm lý, hoạt động, giao tiếp và sự hình thành, phát triển tâm lý; Các thuộc tính cơ bản của nhân cách như: xu hướng và năng lực, tính cách, khí chất, tình cảm, ý chí và các yếu tố chi phối sự hình thành nhân cách; Trí nhớ và các biện pháp bồi dưỡng trí nhớ, ý thức, một số vấn đề cơ bản về trí tuệ.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học có năng lực vận dụng những nền tảng kiến thức tâm lý học đại cương vào việc giải thích các hiện tượng tâm lý con người trong hoạt động thực tiễn, trong quan hệ ứng xử và vào công tác quản trị nhân sự.</p>	<p>biên) (2018), <i>Giáo trình tâm lý học đại cương</i>, Nhà xuất bản ĐHSP.</p> <p>2. Nguyễn Xuân Thúc (chủ biên) (2006), <i>Giáo trình Tâm lý học đại cương</i>, NXB ĐHSP.</p> <p><b>* Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>3. Phan Trọng Ngọ (chủ biên) (2001), <i>Tâm lý học trí tuệ</i>, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia HN.</p> <p>4. Lê Thị Bùng (chủ biên) (2007), <i>Các thuộc tính tâm lý điển hình của nhân cách</i>, NXB ĐHSP.</p>
21	181111	Tâm lý học phát triển (3 TC)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Đối tượng, nhiệm vụ, sơ lược lịch sử và phương pháp nghiên cứu của tâm lý học phát triển; khái niệm về sự phát triển tâm lý, các quy luật chung của sự phát triển tâm lý; các điều kiện phát triển tâm lý như điều kiện sinh học, môi trường sống, hoạt động và giao tiếp; các quan điểm về nguồn gốc và các giai đoạn phát triển tâm lý; động lực của sự phát triển tâm lý; hoạt động và tương tác xã hội trong sự phát triển tâm lý; những đặc điểm tâm lý cơ bản ở từng lứa tuổi từ giai đoạn bào thai, sơ sinh, hài nhi, nhà trẻ, mẫu giáo, nhi đồng, thiếu niên, thanh niên, tuổi trưởng thành, trung niên đến tuổi về già: Các đặc điểm về nhận thức (tri giác, trí nhớ, tư duy, tưởng tượng...) và các đặc điểm về nhân cách như tự ý thức, tình cảm, thể giới quan... Đặc biệt sự phát triển của hoạt động nghề</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <p>1. Vũ Thị Nho (2003), <i>Tâm lý học phát triển</i>, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.</p> <p>2. Dương Thị Diệu Hoa (2008), <i>Giáo trình tâm lý học phát triển</i>, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>3. Phan Trọng Ngọ (chủ biên) (2016), <i>Các lý thuyết phát triển tâm lý người</i>, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.</p> <p>4. Trương Thị Khánh Hà (2017), <i>Tâm lý học phát triển</i>, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>nghiệp, cuộc sống gia đình của tuổi trưởng thành và trung niên, những đặc trưng tâm lý của tuổi già.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên trình bày được hệ thống các quan điểm về sự phát triển tâm lý người, phân tích được đặc điểm tâm lý người theo từng giai đoạn lứa tuổi; có khả năng phân tích, ứng dụng các luận điểm về sự phát triển tâm lý người vào nhận diện và đánh giá đặc điểm tâm lý người theo từng giai đoạn tuổi.</p>	
22	181100	Tâm lý học nhân cách (2 TC)	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Các quan điểm về nhân cách trong Tâm lý học (phương Tây, Liên Xô, phương Đông và ở Việt Nam) về bản chất, đặc điểm, cấu trúc nhân cách, sự hình thành và phát triển nhân cách; Một số vấn đề lí luận về sự hình thành và phát triển nhân cách trong tâm lý học hiện nay; Phương pháp nghiên cứu nhân cách.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Đánh giá được nội dung của các quan điểm khác nhau về nhân cách; phân tích được các đặc điểm, các con đường, các giai đoạn hình thành và phát triển nhân cách; lựa chọn được các biện pháp tác động phù hợp nhằm phát triển nhân cách đáp ứng với yêu cầu của xã hội.</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đào Thị Oanh (2007), <i>Vấn đề nhân cách trong Tâm lý học ngày nay</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</li> <li>Nguyễn Ngọc Bích (2000), <i>Tâm lý học nhân cách – Một số vấn đề lí luận</i>, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.</li> </ol> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Ngô Công Hoàn (2000), <i>Những trắc nghiệm tâm lý (Tập II - Trắc nghiệm nhân cách)</i>, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.</li> <li>Phan Trọng Ngọ (chủ biên) (2016), <i>Giáo trình Các lí thuyết phát triển tâm lý người</i>, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.</li> </ol>
23	181024	Tâm lý học xã hội (4TC)	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Những vấn đề chung của TLH xã hội; nhóm và tập thể; các hiện tượng tâm lý xã hội (bầu không khí tâm lý; tâm trạng xã hội; truyền thống; dư luận xã hội); giao tiếp trong xã hội; nhân cách xã hội; mối quan hệ tác động qua lại giữa hành vi con người và môi trường xã hội; tác động của môi trường xã hội</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Trần Quốc Thành, Nguyễn Đức Sơn (2011), <i>Tâm lý học xã hội</i>, NXB ĐH sư phạm.</li> <li>Nguyễn Hồi Loan, Trần Thu Hương (2019), <i>Hành vi con người và môi trường xã hội</i>, NXB ĐHQG Hà Nội</li> </ol> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Phạm Văn Tư (chủ biên -</li> </ol>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>đến hành vi con người ở các giai đoạn lứa tuổi</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Người học giải thích được các quy luật hình thành tâm lý xã hội; nhận diện và giải thích được các hiện tượng tâm lý xảy ra trong đời sống xã hội; mô tả được các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp xã hội; trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách trong xã hội; phân tích được mối giữa môi trường văn hóa xã hội và hành vi con người; giải quyết được các bài tập tình huống về các mối quan hệ xã hội trong học tập, trong đời sống và trong hoạt động nghề nghiệp.</p>	<p>2014) – Nguyễn Xuân Long – Nguyễn Hiệp Thương - Vũ Thị Ngọc Tú, <i>Tâm lý học xã hội</i>, NXB ĐH sư phạm.</p> <p>4. Tiêu Thị Minh Hương (2007), <i>Giáo trình Tâm lý học xã hội Tập 1, Tập 2</i>. NXB Lao động – Xã hội</p>
24	181052	Tâm lý học quản lý (2TC)	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Những vấn đề chung của Tâm lý học quản lý; những đặc điểm tâm lý, nhân cách của người quản lý; những đặc điểm tâm lý, nhân cách của cá nhân và tập thể lao động trong quản lý; vấn đề giao tiếp trong quản lý và những vấn đề tâm lý học trong công tác tổ chức.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Người học vận dụng được kiến thức tâm lý học quản lý để giải các bài tập, giải quyết các nhiệm vụ học tập; nhận diện được những diễn biến tâm lý của người lãnh đạo, của tập thể lao động trong các tổ chức xã hội và vận dụng chúng vào việc phân tích, giải thích các hành vi của người quản lý người lao động và tập thể lao động; nhận diện và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong tổ chức phù hợp với yêu cầu của hoạt động quản lý.</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <p>1. Vũ Dũng (2007), <i>Giáo trình Tâm lý học quản lý</i>, NXB ĐHSP.</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>2. Trần Thị Minh Hằng (2011), <i>Giáo trình Tâm lý học quản lý</i>, NXB Lao động xã hội, 2011.</p> <p>3. Lê Thị Hoa (2012), <i>Tâm lý học quản lý</i>, NXB ĐHQG TPHCM.</p> <p>4. Võ Thành Khôi (2005), <i>Tâm lý học lãnh đạo, quản lý</i>, NXB Bản chính trị Quốc gia, Hà Nội.</p>
25	181035	Lịch sử Tâm lý học (2TC)	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Các tư tưởng tâm lý học qua các thời kỳ: từ thời cổ đại đến nửa đầu thế kỷ 19 (trước khi Tâm lý học</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <p>1. Nguyễn Ngọc Phú (2006), <i>Lịch sử Tâm lý học</i>, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>trở thành một ngành khoa học độc lập). Tâm lý học ra đời với tư cách là một ngành khoa học độc lập với mốc sự kiện 1879 trong lịch sử phát triển của tâm lý học. Các trường phái Tâm lý học khách quan: Phân tâm học, Tâm lý học hành vi, Tâm lý học Gestalt. Sự hình thành Tâm lý học Mác xít. Sự hình thành và phát triển Tâm lý học Việt Nam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Phân tích, đánh giá được các tư tưởng Tâm lý học từ thời cổ đại đến nửa đầu thế kỷ 19 và các trường phái Tâm lý học từ khi Tâm lý học ra đời với tư cách là khoa học độc lập. Đánh giá được sự hình thành và phát triển Tâm lý học ở Việt Nam. Vận dụng các tư tưởng tiên bộ trong Tâm lý học vào hoạt động tham vấn tâm lý, quản trị nhân sự...</p>	<p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>2. Võ Thị Minh Trí (2004), <i>Lịch sử Tâm lý học</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>3 Phạm Minh Hạc (2005), <i>Tuyển tập Tâm lý học</i>, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.</p>
<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>				
26	181057	a. Tâm lý học ứng xử (2 TC)	<p>-<i>Nội dung</i>: Những vấn đề lý luận chung về tâm lý học ứng xử (Đối tượng, nhiệm vụ, ý nghĩa, các phương pháp nghiên cứu tâm lý học ứng xử; các lý thuyết về ứng xử; bản chất của ứng xử; các kiểu ứng xử và một số yêu cầu cơ bản cần có trong ứng xử); ứng xử trong cuộc sống gia đình, ứng xử trong học đường, ứng xử nơi công sở và các góc độ khác...</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Người học trình bày được những vấn đề cơ bản của Tâm lý học ứng xử; nhận diện và xử lý được các bài tập tình huống giao tiếp, ứng xử diễn ra trong các lĩnh vực khác nhau (Gia đình, trường học, công sở...), với các đối tượng khác nhau (Bạn bè, đồng nghiệp, cha mẹ, anh chị em...); thiết lập, duy trì và phát triển được các</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <p>1. Lê Thị Bùng, Nguyễn Thị Vân Hương (2007), <i>Tâm lý học ứng xử</i>, Nxb Giáo dục.</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>2. Nguyễn Văn Lê (1997), <i>Quy tắc giao tiếp xã hội- Giao tiếp bằng ngôn ngữ</i>, NXB Trẻ.</p> <p>3. Hoàng Anh- Nguyễn Thanh Bình- Vũ Kim Thanh (2006), <i>Giáo trình Tâm lý học giao tiếp</i>, NXB Đại học Sư phạm.</p> <p>4. Nguyễn Văn Lê (2009), <i>Học sinh, sinh viên với văn hoá ứng xử trong đạo đức xã hội</i>, NXB Giáo dục.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			mối quan hệ giữa con người với con người.	
	181085	b. Tâm lý học gia đình (2TC)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm những vấn đề về lý luận chung về gia đình; Một số vấn đề cơ bản về bầu không khí tâm lý trong gia đình; Những ảnh hưởng của các yếu tố tâm lý gia đình đối với sự phát triển của con cái; Các nội dung và sự tác động của tâm lý nếp sống, truyền thống, thói quen gia đình đối với sự hình thành và phát triển nhân cách con cái; Ảnh hưởng những quan điểm của các thành viên trong gia đình đối với sự hình thành nhân cách trẻ.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học vận dụng được những kiến thức TLH gia đình vào việc giải thích các hiện tượng tâm lý trong đời sống thực tiễn; Xác định được ảnh hưởng các yếu tố tâm lý gia đình đối với sự phát triển con cái; Thiết lập và vận hành được nếp sống; truyền thống cũng như những thói quen tốt trong gia đình đối với sự phát triển nhân cách con cái; Lựa chọn được các biện pháp khắc phục những quan điểm không thống nhất trong gia đình để xây dựng gia đình hạnh phúc.</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <p>1. Ngô Công Hoàn (2006), <i>Giáo trình Tâm lý học gia đình</i>. Nxb Đại học Sư Phạm Hà Nội.</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>2. Ngô Công Hoàn (1993), <i>Tâm lý học gia đình</i>, Trường ĐHSPh Hà nội I.</p> <p>3. Hoàng Đức Nhuận (1995) (CB). <i>Đề cương bài giảng về giáo dục dân số</i>. Dự án VIE/94/POI, Hà Nội.</p> <p>4. Robert V. Kail - John C. Cavanagh (2006), <i>Nghiên cứu về sự phát triển con người</i>, Người dịch: TS. Nguyễn Kiên Trường, Nxb Văn hoá thông tin.</p>
	Chọn 1 trong 2 học phần			
27	181095	a. Tâm lý học lao động (2TC)	<p>-<i>Nội dung học phần:</i> Những vấn đề chung của tâm lý học lao động; Một số vấn đề tâm lý học trong tổ chức khoa học lao động; Tuyển chọn và đào tạo nghề; Sự thích ứng của con người trong hệ thống người-máy- môi trường</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học trình bày được các trạng thái tâm lý nảy sinh trong lao động ; phân tích được các bước xây dựng chế độ lao động và nghỉ ngơi hợp</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <p>1. Lê Thị Dung (2009), <i>Tâm lý học lao động</i>, NXB lao động xã hội Hà Nội.</p> <p>2. Võ Hưng, Phạm Thị Bích Ngân (2007), <i>Tâm lý học lao động</i>, Nxb ĐHQG TPHCM.</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>3. Đào Thị Oanh (2003), <i>Tâm lý học lao động</i>, NXB ĐHQG Hà Nội.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			lý ; mô tả được nội dung và các bước tuyển chọn, đào tạo nghề ; phân tích được đặc điểm của lao động trong điều kiện kỹ thuật mới. Vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết các bài tập trong chương trình.	
	181019	b. Tâm lý học sáng tạo (2TC)	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Khái quát chung về khoa học sáng tạo, ý nghĩa của tâm lý học sáng tạo, bản chất của sự sáng tạo trong tâm lý học ; các vấn đề tâm lý trong hoạt động sáng tạo ; tâm lý học sáng tạo và cuộc sống...</p> <p>- <i>Năng lực cần đạt được</i>: Người học trình bày được các vấn đề cơ bản về tâm lý học sáng tạo; phân tích được bản chất của sự sáng tạo trong tâm lý học ; vận dụng được kiến thức của tâm lý học sáng tạo để giải quyết các vấn đề trong học tập, trong cuộc sống một cách khoa học và sáng tạo, phục vụ cho hoạt động học tập và hoạt động nghề nghiệp; đề xuất, lựa chọn được các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của bản thân cũng như của tổ chức.</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Huỳnh Văn Sơn (2009), Giáo trình Tâm lý học sáng tạo, Nxb Giáo dục</li> <li>Phạm Thành Nghị (2015), Giáo trình Tâm lý học sáng tạo, Nxb Quốc gia</li> </ol> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nguyễn Thị Huệ (2008), Đề cương bài giảng Tâm lý học sáng tạo thiếu niên, Nxb Giáo dục</li> <li>Đức Uy (1999), Tâm lý học sáng tạo, Nxb giáo dục.</li> </ol>
	<b>Chọn 1 trong 2 HP</b>			
28	181051	a. Tâm lý học giao tiếp (2 TC)	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Những vấn đề chung về tâm lý học giao tiếp; quá trình giao tiếp; kỹ năng giao tiếp; thực hành các kỹ năng giao tiếp.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Người học thiết lập, duy trì và phát triển được các mối quan hệ với những người xung quanh; vận dụng linh hoạt các phong cách giao tiếp trong các hoạt động sống; hình thành được một số kỹ năng giao tiếp cần thiết: kỹ năng lập kế hoạch giao tiếp, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng viết,</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nguyễn Văn Đồng (2009), <i>Tâm lý học giao tiếp</i>, Nxb Chính trị - Hành chính.</li> <li>Nguyễn Bá Minh (2008), <i>Giáo trình nhập môn khoa học giao tiếp</i>, Nxb ĐHSP.</li> </ol> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đặng Tùng Hoa (2009), <i>Bài giảng Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm</i>, Trường ĐH Thủy lợi.</li> </ol>



TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			kỹ năng làm việc nhóm.	
	181022	b. Tâm lý học văn hóa (2TC)	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Học phần bao gồm hệ thống kiến thức về những vấn đề chung của tâm lý học văn hóa; Một số cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học văn hóa; Văn hóa và sự phát triển tâm lý của con người trong thời đại văn minh; Sự sáng tạo các giá trị văn hóa – hoạt động động khoa học và nghệ thuật; Sự truyền tải và tiếp nhận văn hóa Văn hóa theo quan điểm của tâm lý học văn hóa; những vấn đề chung của tâm lý học văn hóa; một số cách tiếp cận trong nghiên cứu tâm lý học văn hóa; Sự truyền tải và tiếp nhận văn hóa...</p> <p>-<i>Năng lực đạt được</i>: Người học nhận diện được các yếu tố văn hóa trong quá trình hình thành và phát triển tâm lý con người và các cộng đồng nói chung; đánh giá được giá trị của các nền văn hóa khác nhau đồng thời lựa chọn được các giá trị văn hóa phù hợp với bản sắc dân tộc để có thể gia nhập vào xu thế chung của xã hội.</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <p>1. Lê Đức Phúc (2009), <i>Bài giảng Tâm lý học văn hóa</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà nội.</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>2. Trần Lệ Thu (2014), <i>Bài giảng Tâm lý học văn hóa</i>, Hà Nội.</p> <p>3. L.X.Vygotski (1995), <i>Tâm lý học nghệ thuật</i>, NXBKHXH.</p> <p>4. Nguyễn Xuân Thúc (2007), <i>Giáo trình Tâm lý học đại cương</i>, NXB Đại học sư phạm.</p>
	Chọn 1 trong 2 học phần			
29	181130	a. Tâm lý học tuyên truyền (2 TC)	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Những vấn đề chung của tâm lý học tuyên truyền; các cơ chế tác động tâm lý trong hoạt động tuyên truyền; phương thức tuyên truyền bằng lời và tuyên truyền bằng trực quan; tâm thế và sự thay đổi tâm thế dưới tác động của hoạt động tuyên truyền; các quy luật tâm lý trong tuyên truyền; các yếu tố ảnh hưởng đến sự thu nhận thông tin của đối tượng tuyên truyền.</p> <p>-<i>Năng lực đạt được</i>: Người học trình bày được những vấn đề cơ</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <p>1. Nguyễn Hữu Thụ (2005), <i>Tâm lý học tuyên truyền quảng cáo</i>, NXBQG Hà Nội.</p> <p>2. Hà Thị Bình Hoà (2010), <i>Giáo trình tâm lý học tuyên truyền</i>, Nhà xuất bản chính trị hành chính 2010</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>3. Đào Duy Quát (2009), <i>Tâm lý học tuyên truyền</i>. NXB chính trị quốc gia.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			bản về tâm lý học tuyên truyền; phân tích được các cơ chế tác động tâm lý trong hoạt động tuyên truyền; tập lựa chọn nội dung, phương thức tuyên truyền cho phù hợp với từng đối tượng; tập tuyên truyền một chủ đề tự chọn trước mọi người; phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến sự thu nhận thông tin của đối tượng tuyên truyền.	
	181105	b. Tâm lý học pháp luật (2 TC)	<p><i>-Nội dung:</i> Học phần này bao gồm: Đối tượng, nhiệm vụ , phương pháp nghiên cứu Tâm lý học pháp luật; cấu trúc tâm lý của hoạt động bảo vệ pháp luật (hoạt động nhận thức, giáo dục, thiết kế, giao tiếp, tổ chức, hoạt động chứng nhận); một số vấn đề về tâm lý học tội phạm; các khía cạnh tâm lý của hoạt động điều tra, xét xử và giáo dục cải tạo phạm nhân.</p> <p><i>- Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nhận diện được những vấn đề cơ bản của tâm lý học pháp luật; phân tích được các đặc điểm tâm lý con người trong hoạt động bảo vệ pháp luật; nhận diện được các loại hành vi phạm tội, nguyên nhân và hậu quả của nó đối với xã hội; lựa chọn các biện pháp phù hợp để phòng ngừa, đấu tranh và phòng chống các loại tội phạm trong xã hội.</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyễn Hồi Loan - Đặng Thanh Nga (2004), <i>Tâm lý học pháp lý</i>. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội .</li> <li>2. Chu Liên Anh - Chu Văn Đức (2008), <i>Giáo trình Tâm lý học tư pháp</i>. NXB Công an nhân dân.</li> </ol> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>3. Đặng Thanh Nga (chủ biên) (2000), <i>Tâm lý học tư pháp</i>. NXB Công an nhân dân.</li> </ol>
30	181050	PPL và PPNC tâm lý (3 TC)	<p><i>- Nội dung học phần:</i> Những vấn đề chung về nghiên cứu khoa học; các nguyên tắc phương pháp luận chỉ đạo nghiên cứu tâm lý; các phương pháp, phương thức tổ chức, các giai đoạn nghiên cứu tâm lý; lựa chọn đề tài nghiên cứu và xây dựng đề cương nghiên cứu tâm lý...</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phạm Viết Vượng (1995), <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục</i>, NXB Giáo dục. Hà Nội.</li> <li>2. Nguyễn Xuân Thúc (2010), <i>Giáo trình phương pháp nghiên cứu tâm lý học sinh tiểu học</i>. NXB Đại học sư phạm.</li> </ol>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			- <i>Năng lực đạt được</i> : Xác định và lựa chọn được đề tài nghiên cứu tâm lý; xây dựng được đề cương nghiên cứu; xây dựng được kế hoạch triển khai nghiên cứu; lựa chọn và sử dụng được các phương pháp nghiên cứu tâm lý phù hợp	* <i>Tài liệu tham khảo</i> 3. Phan Mai Hương (2013), <i>Phương pháp nghiên cứu trong Tâm lý học</i> , NXB KHXH Hà Nội. 4. Hoàng Mộc Lan (2013), <i>Giáo trình phương pháp nghiên cứu Tâm lý học</i> , NXB ĐHQG, Hà Nội
31	181000	Chẩn đoán tâm lý (2TC)	- <i>Nội dung học phần</i> : Những vấn đề lý luận chung về khoa học chẩn đoán tâm lý (Đối tượng, nhiệm vụ, phạm vi, vị trí, ý nghĩa của khoa học chẩn đoán tâm lý; các kiểu thang đo và các nguyên tắc thiết kế công cụ đo; kỹ thuật thiết kế trắc nghiệm đặc biệt là trắc nghiệm đa lựa chọn; các bước xây dựng trắc nghiệm); Các phương pháp chẩn đoán trí tuệ; Các phương pháp chẩn đoán nhân cách. - <i>Năng lực đạt được</i> : Người học xác định được các kiểu thang đo và các nguyên tắc thiết kế công cụ đo; Sử dụng được một số trắc nghiệm đo lường và chẩn đoán trí tuệ, nhân cách... phục vụ cho hoạt động học tập, hoạt động giao tiếp và hoạt động nghề nghiệp.	* <i>Giáo trình</i> 1. Ngô Công Hoàn (chủ biên - 1998), <i>Trắc nghiệm trí tuệ tập 1</i> , Nxb ĐH Quốc gia 2. Ngô Công Hoàn (chủ biên - 1998), <i>Trắc nghiệm nhân cách tập 2</i> , Nxb ĐH Quốc gia * <i>Tài liệu tham khảo</i> 3. Trần Trọng Thủy (1992), <i>Khoa học chẩn đoán tâm lý</i> , Nxb Giáo dục 4. Nguyễn Đức Sơn (2015), <i>Giáo trình đánh giá nhân cách</i> , Nxb ĐHSP
32	181027	Kỹ năng tham vấn (4TC)	<i>Nội dung học phần</i> : Tham vấn tâm lý là một ngành khoa học ứng dụng; Các yếu tố của tham vấn tâm lý; Tham vấn tâm lý cá nhân và tham vấn tâm lý gia đình; Kỹ năng tham vấn tâm lý <i>Năng lực đạt được</i> : Người học có kỹ năng nhận diện nan đề của thân chủ và giúp thân chủ vượt qua được nan đề đó để có được cuộc sống cân bằng về mọi mặt. Từ đó tham gia và thích nghi được với hoạt động học tập, hoạt	* <i>Giáo trình</i> 1. Trần Thị Minh Đức (2014), <i>Giáo trình Tâm lý học tham vấn</i> , NXB ĐHQG Hà Nội * <i>Tài liệu tham khảo</i> 2. Trần Đình Tuấn (2015), <i>Tham vấn tâm lý cá nhân và gia đình</i> , NXB ĐHQG Hà Nội

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			động nghề nghiệp và các hoạt động sống một cách thuận lợi.	
33	181029	Tâm bệnh học (4TC)	<p><i>Nội dung</i> : Khái niệm về tâm bệnh học; lượng giá và chẩn đoán bệnh tâm thần; phân loại bệnh tâm thần; các lý thuyết về tâm bệnh; ; Các rối loạn tâm thần thường gặp, nguyên nhân và điều trị các rối loạn tâm bệnh.</p> <p><i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên trình bày được những vấn đề cơ bản của tâm bệnh học; nhận diện, chẩn đoán, phân loại được các rối loạn tâm bệnh; phân tích được các triệu chứng, nguyên nhân, cách thức tổ chức chăm sóc điều trị các bệnh tâm lý thường gặp; Phòng ngừa, hỗ trợ những người mắc rối loạn tâm lý.</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <p>1. Phạm Toàn (2020), <i>Tâm bệnh học</i>, NXB trẻ</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Nguyễn Văn Siêm (2007), <i>Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên</i>, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội</p> <p>2. Dương Thị Diệu Hoa (2007), <i>Giáo trình Tâm lý học phát triển</i>, NXB ĐHSP, Hà Nội</p>
<i>Chọn 1 trong 2 học phần sau</i>				
34	181031	Tâm lý học trị liệu (3 TC)	<p><i>Nội dung</i>: Kiến thức cơ bản về tâm lý học trị liệu, tầm quan trọng của trị liệu tâm lý trong xã hội hiện đại; các lý thuyết về trị liệu tâm lý; các trắc nghiệm được dùng trong trị liệu tâm lý; những liệu pháp tâm lý cơ bản và hướng ứng dụng trong lâm sàng các ca tâm bệnh.</p> <p><i>Năng lực đạt được</i>: Người học nhận diện được các dạng tâm bệnh; sử dụng các trắc nghiệm để phát hiện các rối nhiễu tâm lý; vận dụng các phương pháp (thuyết phục, tâm vận động, tâm kịch...) để phát hiện, phòng ngừa và trợ giúp về mặt tâm lý cho con người ở các độ tuổi, các lĩnh vực khác nhau khi có rối nhiễu tâm lý.</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <p>1. Phạm Toàn (2017), <i>Tâm lý trị liệu – Lý thuyết và thực hành</i>, Nxb Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>2. Nguyễn Công Khanh (2017), <i>Trị liệu-tâm lý – Cơ sở lý luận và thực hành điều trị tâm bệnh</i>, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.</p>
	181053	b. Tâm lý học giáo dục	- <i>Nội dung</i> : Học phần bao gồm những vấn đề chung của tâm lý học giáo dục như đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên	<p><b>*Giáo trình</b></p> <p>1. Phạm Thành Nghị (2011), <i>Giáo trình tâm lý học giáo dục</i>, Nxb Đại học Quốc Gia, Hà Nội.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>cứu của TLH giáo dục; cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học, mục đích, tổ chức hoạt động dạy học; cơ sở tâm lý học của vấn đề giáo dục đạo đức và giáo dục gia đình; tâm lý học giáo dục đặc biệt.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học lập được kế hoạch hoạt động học; xác định được các bước tổ chức hoạt động dạy; phát hiện, lựa chọn được các biện pháp khắc phục hành vi lệch chuẩn đạo đức trong nhà trường; xây dựng biện pháp tự giáo dục; phát hiện, lựa chọn được các biện pháp bồi dưỡng học sinh năng khiếu; các biện pháp phù hợp dạy học phục hồi những học sinh rối nhiễu tâm</p>	<p><b>* Tài liệu tham khảo.</b></p> <p>2. Lê Văn Hồng (CB) (2001), <i>Tâm lý học lứa tuổi và sư phạm</i>, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội</p> <p>3. Nguyễn Huy Tú (2000), <i>Tâm lý học giáo dục</i>, Viện khoa học giáo dục, Hà Nội</p>
35	182035	Đạo đức nghề nghiệp (2TC)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm hệ thống những lý luận cơ bản về đạo đức học như: Khái niệm đạo đức, cấu trúc của đạo đức, ý thức đạo đức và thực hiện đạo đức, quan hệ đạo đức, đạo đức xã hội và đạo đức cá nhân, vai trò, nguồn gốc, bản chất và chức năng của đạo đức. Mối quan hệ giữa đạo đức và hình thái ý thức xã hội. Đối tượng và nhiệm vụ của đạo đức học, nhiệm vụ của đạo đức học, một số phạm trù của đạo đức học, các phương pháp nghiên cứu đạo đức. Sự hình thành đạo đức cá nhân, như: Tính trung thực, tính nguyên tắc, tính khiêm tốn, lòng dũng cảm, tình yêu lao động, học tập không biết mệt mỏi; Những yêu cầu về phẩm chất đạo đức của người quản trị nhân sự, đặc trưng của nghề, một số nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho người làm công tác QTNS, vấn đề xây dựng đạo đức mới cho người lao động</p>	<p><b>* Giáo trình</b></p> <p>1. Trần Hậu Kiêm (chủ biên) (1997), <i>Giáo trình đạo đức học</i>. Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội 1997.</p> <p>2. Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2000), <i>Giáo trình Đạo đức học</i>. Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội.</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>3. Phạm Khắc Chương (2005), <i>Đạo đức học</i>. Nxb ĐHSP Hà Nội.</p> <p>4. Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2006), <i>Giáo trình Khoa học quản lý</i>, NXBLLCT, H.</p> <p>5. Trịnh Duy Huy (2010), <i>Đạo đức mới trong nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN</i>. NXB Chính trị Quốc gia.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>trong nền kinh tế thị trường đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên phân tích được các vấn đề cơ bản về đạo đức học như: Khái niệm đạo đức, cấu trúc của đạo đức, ý thức đạo đức và thực hiện đạo đức, quan hệ đạo đức, đạo đức xã hội và đạo đức cá nhân, vai trò, nguồn gốc, bản chất và chức năng của đạo đức... Phân tích được mối liên hệ giữa đạo đức và hình thái kinh tế xã hội. Xây dựng được kịch bản về sự hình thành, phát triển đạo đức cá nhân. Vận dụng được những yêu cầu về phẩm chất đạo đức của người quản trị nhân sự, tham vấn tâm lý, trị liệu tâm lý... vào hoạt động nghề nghiệp.</p>	
36	153140	Định mức lao động (2TC)	<p>-<i>Nội dung học phần</i>: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về đối tượng nhiệm vụ và nội dung của công tác định mức lao động trong doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu định mức kỹ thuật lao động, các phương pháp định mức lao động và công tác tổ chức thực hiện định mức trong doanh nghiệp.</p> <p>-<i>Năng lực đạt được</i>: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp một cách hệ thống, giải quyết các vấn đề thực tiễn sinh động của công tác định mức lao động; đây là những kiến thức mà người làm công tác quản trị nhân lực, tiền lương trong các doanh nghiệp cần có.</p>	<p><b>* Giáo trình</b></p> <p>1. PGS.TS Nguyễn Tiệp (2015), <i>Giáo trình định mức lao động</i>, Trường Đại học LĐ – XH.</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>2. Huỳnh Thị Thành (2015), <i>Giáo trình định mức lao động</i>, Trường Đại học LĐ – XH.</p> <p>3. Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Điềm (2015), <i>Giáo trình Quản trị nhân lực</i>, Trường Đại học KTQD.</p>
37	154105	Quản trị nhân lực (3TC)	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Tổng quan về quy trình các hoạt động chức năng trong công việc quản lý nhân sự (quy trình tuyển dụng, đào tạo và phát triển), xây dựng hệ thống thù lao lao động</p>	<p><b>* Giáo trình</b></p> <p>1. Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Điềm (2012), <i>Giáo trình Quản trị nhân lực</i>. Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân. Hà Nội,</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>và duy trì các mối quan hệ lao động trong tổ chức.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể đạt được: Xây dựng được bản mô tả công việc; Xây dựng được bản tiêu chuẩn thực hiện công việc; Điều hành, quản trị nhóm làm việc hiệu quả; Lập kế hoạch nhân sự trong doanh nghiệp; Hình thành các kỹ năng trong phỏng vấn (cả người phỏng vấn và người xin việc).</p>	<p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>2. Trần Kim Dung (2014), <i>Quản trị nguồn nhân lực</i>, Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>3. Bùi Văn Danh (2011), <i>Quản trị nguồn nhân lực</i>, Nhà xuất bản Phương Đông, TP. Hồ Chí Minh.</p>
38	154090	Quản trị học (3TC)	<p>-<i>Nội dung học phần:</i> Khái niệm về hoạt động quản trị, nhà quản trị; Sự hình thành và phát triển của quản trị; Môi trường quản trị; Quyết định quản trị; Các chức năng quản trị: Hoạch định, Tổ chức, Lãnh đạo và Kiểm tra.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Năng lực đạt được: Sinh viên xây dựng được mục tiêu kế hoạch, chiến lược cho một tổ chức; Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy; xác định được các biện pháp tạo động lực cho người lao động; Áp dụng được các hình thức kiểm tra và đánh giá trong tổ chức</p>	<p><b>* Giáo trình</b></p> <p>1. Đoàn Thị Thu Hà; Nguyễn Thị Ngọc Huyền (2013), <i>Quản trị học</i>, Nxb Đại học KTQD</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>2. Nguyễn Thanh Hội, Phan Thăng (2011), <i>Quản trị học</i>, Nxb Hồng Đức.</p> <p>3. Nguyễn Thị Liên Diệp, Trần Anh Minh (2012), <i>Quản trị học</i> – Nxb VHVN.</p>
39	154051	Nguồn nhân lực và kế hoạch hoá nguồn nhân lực (2 TC)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Các nội dung của học phần Nguồn nhân lực và Kế hoạch hóa nguồn nhân lực bao gồm: Những vấn đề cơ bản về nguồn nhân lực và kế hoạch hóa nguồn nhân lực, Kế hoạch cung cầu nhân lực, Kế hoạch năng suất lao động, Kế hoạch đào tạo và phát triển và Kế hoạch quỹ tiền lương.</p> <p>- <i>Năng lực cần đạt được:</i> đánh giá được nguồn nhân lực của một doanh nghiệp; phân tích được mối quan hệ chặt chẽ giữa các kế hoạch về nhân lực với nhau và với kế hoạch nguồn nhân lực chung của doanh nghiệp; xây dựng được các tiêu</p>	<p><b>* Giáo trình</b></p> <p>1. Trường ĐH Lao động xã hội (2012), <i>Giáo trình Nguồn nhân lực</i>, NXB Lao động – Xã hội.</p> <p>2. Trường Đại học Lao động – Xã hội (2012), <i>Giáo trình Kế hoạch nhân lực</i> – NXB Lao động xã hội.</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>3. Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2007), <i>Giáo trình Quản trị nhân lực</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân.</p>



TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			chỉ đánh giá nhân viên và xây dựng được bản mô tả công việc và tiêu chuẩn thực hiện công việc cụ thể; xác định được lượng cung và cầu nhân lực của một đơn vị; lập được kế hoạch cân đối cung cầu nhân lực kỳ kế hoạch của doanh nghiệp và phân tích tình hình thực hiện kế hoạch và kết cấu lao động.	
40	181180	Tổ chức lao động khoa học trong các doanh nghiệp (2TC)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm các nội dung như: tổng quan về tổ chức lao động khoa học trong doanh nghiệp, phân công và hiệp tác lao động, điều kiện lao động, chế độ làm việc và nghỉ ngơi hợp lý, tổ chức và phục vụ nơi làm việc, và công tác định mức lao động trong doanh nghiệp</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học hiểu được cách tổ chức lao động khoa học trong doanh nghiệp, bố trí và hiệp tác lao động trong doanh nghiệp, xây dựng được chế độ làm việc hợp lý cho người lao động; xây dựng và đánh giá được các mức lao động trong doanh nghiệp.</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <p>1. Trường ĐH Kinh tế Quốc dân (2012), <i>Giáo trình tổ chức lao động khoa học trong doanh nghiệp</i>, NXB ĐHKQTĐ.</p> <p><b>*Tài liệu tham khảo</b></p> <p>2. Nguyễn Tiệp, <i>Giáo trình tổ chức lao động khoa học</i>, Trường ĐH LĐ xã hội</p>
41	151059	Hội nhập kinh tế quốc tế	<p><i>Nội dung học phần:</i> Cung cấp cho những người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống và chuyên sâu về hội nhập kinh tế quốc tế. Tìm hiểu về các tổ chức kinh tế quốc tế nổi bật trên thế giới và các tổ chức kinh tế quốc tế có sự tham gia của Việt Nam.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Học xong môn học người học có đủ năng lực phân tích, nhận dạng, đánh giá các tác động và dự báo những cơ hội và thách thức của hội nhập</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <p>1. Ngô Thị Tuyết Mai, Nguyễn Như Bình (2019), <i>Giáo trình Hội Nhập Kinh tế quốc tế</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</p> <p><b>*Tài liệu tham khảo</b></p> <p>2. Đỗ Đức Bình, Ngô Thị Tuyết Mai (2012), <i>Giáo trình kinh tế quốc tế</i>, NXB ĐHKQTĐ</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>kinh tế quốc tế đến quốc gia và doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, người học được nâng cao khả năng hoạch định, tham gia hoạch định chiến lược, đề xuất chính sách và biện pháp để giải quyết các vấn đề của thực tiễn; biết cách tổ chức và quản lý các hoạt động kinh tế của một quốc gia đạt hiệu quả cao trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa</p>	
42	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
	197005	a. Luật Hành chính và Luật nhà nước (2 TC)	<p><i>- Nội dung học phần:</i> Môn học Luật Hành chính và Luật nhà nước cung cấp những kiến thức về khoa học luật hiến pháp, ngành luật hiến pháp; chế định về chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học công nghệ, an ninh quốc phòng, chính sách đối ngoại; quan hệ cơ bản giữa nhà nước và công dân; những vấn đề cơ bản trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam. Môn học cũng cung cấp các kiến thức liên quan đến quản lý hành chính nhà nước, hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước; thủ tục hành chính; quyết định hành chính; địa vị pháp lý hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của cán bộ, công chức, viên chức; vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính.</p> <p><i>- Năng lực đạt được:</i> Sinh viên vận dụng những kiến thức đã được học để phân tích, giải thích, đánh giá và giải quyết các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá giáo dục, khoa học, công nghệ do pháp luật quy định, đặc biệt là việc tổ chức, hoạt động của các cơ trong bộ máy nhà nước, các quyền và nghĩa vụ cơ bản của</p>	<p><b>* Giáo trình</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thái Vĩnh Thắng, Vũ Hồng Anh (2015), <i>Giáo trình Luật hiến pháp</i>, Nxb CAND.</li> <li>2. Trần Minh Hương (chủ biên)(2015), <i>Giáo trình Luật hành chính</i>, NXB CAND.</li> </ol> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>3. <i>Hiến pháp nước CHXHCNVN năm 1946, 1959, 1980, 1992, 2013</i>, Nxb Lao động, 2017.</li> <li>4. <i>Luật tố cáo (2019)</i>, Nxb CTQGST.</li> <li>5. <i>Luật xử lý vi phạm hành chính (2019)</i>, Nxb CTQGST.</li> </ol>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>công dân. Sinh viên biết cách bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp trong quản lý hành chính nhà nước; đưa ra chính kiến, nhận xét của cá nhân về các hoạt động quản lý hành chính nhà nước đang diễn ra trên thực tế và những ý kiến đề xuất để khắc phục những hạn chế, yếu kém đang tồn tại.</p>	
	197020	b. Luật lao động (2 TC)	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Học phần Luật Lao động gồm Khái quát về Luật Lao động Việt Nam, các quan hệ pháp luật lao động; cơ chế ba bên; vai trò của nhà nước trong lĩnh vực lao động; Công đoàn và vấn đề đại diện tập thể lao động; việc làm; học nghề; hợp đồng lao động; thoả ước lao động tập thể; quyền quản lý lao động của người sử dụng lao động; tiền lương; thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi; bảo hộ lao động; tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động; đình công và giải quyết đình công.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên biết được các quy định của pháp luật về lao động, vận dụng kiến thức đã học để thực hiện tốt hoạt động quản lý nhà nước về lao động cũng như việc giải quyết các tranh chấp lao động trên thực tế.</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <p>1. Lưu Bình Nhưỡng (chủ biên), 2014, <i>Giáo trình luật lao động Việt Nam</i>, Nxb.CAND, HN. [Q1]</p> <p>2. <i>Bộ Luật lao động (2012)</i></p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>3. Lưu Bình Nhưỡng (chủ biên) (2015), Nguyễn Xuân Thu, TS. Đỗ Thị Dung, “<i>Bình luận khoa học Bộ luật lao động</i>”, Nxb Lao động.</p> <p>4. Đỗ Thị Dung, “<i>Pháp luật về quyền quản lý lao động của người sử dụng lao động ở Việt Nam</i>”, Nxb CTQG</p>
43	Chọn 1 trong 2 học phần sau:			
	152080	a. Thống kê lao động xã hội (2 TC)	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Học phần cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp điều tra thống kê, hình thức thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng và các quá trình có liên quan đến lao động. Trang bị phương pháp tính toán hệ thống chỉ tiêu phân tích tài liệu thống kê lao động làm cơ sở cho dự đoán mức độ hiện</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <p>1. Nguyễn Công Nhự (2017), <i>Giáo trình thống kê doanh nghiệp</i>, NXB Thống kê, Hà Nội.</p> <p>2. Trần Thị Kim Thu (2016), <i>Giáo trình lý thuyết thống kê</i>, NXB ĐHKQTĐ, HN.</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>3. Phan Công Nghĩa, Bùi Đức</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>tượng trong tương lai. Vận dụng phương pháp thống kê thích hợp nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình sử dụng lao động, năng suất lao động, thu nhập của người lao động. Cung cấp dữ liệu cần thiết, làm cơ sở cho việc ra các quyết định ở tầm vĩ mô và vi mô.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học đạt được năng lực sử dụng kiến thức chuyên môn để thực hiện những công việc liên quan đến hoạt động thống kê trong doanh nghiệp.</p>	<p>Triệu (2012), <i>Giáo trình thống kê kinh tế</i>, NXB ĐH KTQD, HN.</p> <p>4. Chu Văn Tuấn (2010), <i>Giáo trình thống kê doanh nghiệp</i>, NXB Tài chính, HN.</p> <p>Trang web: www.gso.gov.vn</p>
	151057	b. Lịch sử kinh tế quốc dân	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nền KT thế giới và Việt Nam. Học phần đưa ra quy trình phát triển kinh tế của một số quốc gia tiên tiến trên thế giới là Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Liên Xô, Các nước đang phát triển và ASEAN. Từ đó rút ra vài học phát triển KT cho Việt Nam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học phân tích được mô hình phát triển kinh tế của các nước I cách tổng hợp và chính xác. Vận dụng được những bài học kinh nghiệm về phát triển kinh tế của các nước trên thế giới vào việc hiểu và nhận biết quá trình phát triển kinh tế thực tế của Việt Nam trong các giai đoạn lịch sử khác nhau, từ đó rút ra được xu hướng vận động khách quan của các mô hình phát triển kinh tế.</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <p>1. Nguyễn Trí Dĩnh, Phạm Huy Vinh, Trần Khánh Hưng (2013), <i>Giáo trình Lịch sử kinh tế</i>, Nxb Đại học kinh tế Quốc dân.</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>2. Nguyễn Trí Dĩnh, Phạm Thị Quý (2008), <i>Giáo trình lịch sử kinh tế</i>, Nxb Đại học kinh tế Quốc dân.</p>
	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
44	152090	a. Tiền công tiền lương (2 TC)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tiền lương tiền công, quy định về tiền lương, tiền công của Chính phủ, cơ sở để thực hiện tiền lương, tiền công các hình</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <p>1. Nguyễn Tiệp, Lê Thanh Hà (2013): <i>Giáo trình Tiền lương – Tiền công</i>, Trường Đại học Lao động - Xã hội</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p>

		<p>thức của tiền lương, tiền công và các chế độ phúc lợi cho người lao động cũng như chế độ tiền lương thưởng trong doanh nghiệp.</p> <p><i>- Năng lực đạt được:</i> Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và thực hành về các nội dung trong công tác trả thù lao cho người lao động trong các doanh nghiệp như: Xác định các khoản tiền lương, tiền thưởng, các khoản phụ cấp trong doanh nghiệp. Học phần cung cấp cho người học một số hình thức chi trả tiền lương phổ biến trong các doanh nghiệp hiện nay.</p>	<p>2. Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Điềm (2016): <i>Giáo trình Quản trị nhân lực</i>. Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.</p> <p>3. Trần Xuân Cầu (2009) <i>Giáo trình Kinh tế nguồn nhân lực</i>, Đại học kinh tế quốc dân.</p>
181060	b. Thị trường lao động (2 TC)	<p><i>- Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp những nội dung cơ bản về thị trường lao động và việc vận dụng kiến thức thị trường lao động vào sản xuất kinh doanh và quản lý xã hội nói chung bao gồm các khái niệm đặc điểm điều kiện hình thành, các yếu tố của thị trường lao động quốc tế, xuất nhập khẩu lao động và dịch vụ việc làm ở Việt Nam.</p> <p><i>- Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về thị trường lao động và việc vận dụng kiến thức thị trường lao động vào sản xuất kinh doanh và quản lý xã hội nói chung.</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <p>1. Nguyễn Tiệp (2016), <i>Giáo trình thị trường lao động</i>, Trường Đại học Lao động – Xã hội.</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>2. Nguyễn Ngọc Quân (2015), <i>Giáo trình quản trị nhân lực</i>, Trường Đại học KTQD Hà nội.</p>
	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		
45	a. Hành vi tổ chức (2 TC)	<p><i>- Nội dung:</i> Tổng quan về hành vi tổ chức, hành vi cá nhân, hành vi nhóm; một số vấn đề về cơ cấu tổ chức và các vấn đề về văn hoá tổ chức; vấn đề đổi mới và phát triển tổ chức; các yếu tố cản trở sự thay đổi tổ chức...</p> <p><i>- Năng lực đạt được:</i> Sinh viên trình bày được những vấn đề cơ bản của hành vi tổ chức; phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi cá nhân, hành vi nhóm; phân tích được các nguyên nhân</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <p>1. Nguyễn Hữu Lam (2007), <i>Hành vi tổ chức</i>, NXB Thống kê.</p> <p>2. Bùi Anh Tuấn (2003), <i>Giáo trình hành vi tổ chức</i>, NXB Thống kê.</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>3. Phan Bá (2006), <i>Hành vi tổ chức</i>, Hà Nội.</p> <p>4. S.L.Mc Shane và M.A.Y.Von Glinow (2005), <i>Hành vi của tổ</i></p>

			gia nhập nhóm; nhận diện được các cản trở đối với sự thay đổi, phát triển của tổ chức; xác định và lựa chọn được các biện pháp khắc phục những cản trở đối với sự thay đổi tổ chức...	chức. Nhà xuất bản: McGrawv – Hill Irvvin.
182000	b. Chính sách xã hội (2 TC)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho sinh viên lịch sử hình thành chính sách xã hội; giới thiệu phương pháp luận về chính sách xã hội ở nước ta; các mối quan hệ của chính sách xã hội; những quan điểm trong việc hoạch định và thực thi các chính sách xã hội; một số chính sách xã hội phổ biến như chính sách dân số, chính sách lao động và việc làm, chính sách bảo đảm xã hội, chính sách xã hội nhằm đảm bảo an ninh xã hội, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; chính sách đối với các tầng lớp xã hội (như công nhân, nông dân, trí thức và sinh viên, doanh nghiệp tư nhân); chính sách xã hội đối với các giới đồng bào (thanh niên, phụ nữ, dân tộc thiểu số, tôn giáo, đồng bào định cư ở nước ngoài); cuối cùng là nghiên cứu cơ chế quản lý việc thực hiện các chính sách xã hội.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Phân tích được các vấn đề lý luận và phương pháp luận về chính sách xã hội. Đánh giá và vận dụng được các chính sách xã hội đối với các tầng lớp xã hội, các giới đồng bào và cơ chế quản lý việc thực hiện các chính sách xã hội trong công tác quản trị nhân sự.</p>	<p><b>*Giáo trình</b></p> <p>1. Phạm Xuân Nam (1997), <i>Đổi mới chính sách xã hội – Luận cứ và giải pháp</i>, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.</p> <p>2. Bùi Thế Cường (2002), <i>Chính sách xã hội và công tác xã hội ở Việt Nam thập niên 90</i>, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>3. Lê Chi Mai (2001), <i>Những vấn đề cơ bản về chính sách và quy trình chính sách</i>, Nxb Đại học Quốc gia, Tp. Hồ Chí Minh.</p> <p>4. Trần Xuân Kỳ (2008), <i>Trợ giúp xã hội</i>, Nxb lao động – xã hội, Hà Nội.</p>	
46	181033	Thực tế chuyên môn (4 TC)	- <i>Nội dung:</i> Sinh viên đến các bệnh viện (có khoa tâm bệnh), các trường học (có chuyên gia tâm lý) và các trung tâm xã hội, các công sở, cơ quan hành chính Nhà nước, các doanh nghiệp và các trung tâm xã hội...trong và ngoài tỉnh Thanh Hóa để thực hành tổng	

			<p>hợp các kiến thức của ngành Tâm lý học.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Vận dụng tổng hợp kiến thức Tâm lý học, Quản trị nhân sự vào nghiên cứu tâm lý con người trong các loại hình hoạt động khác nhau (trị liệu tâm lý, tư vấn tâm lý...) và vấn đề quản lý lao động; làm các bài tập thực hành, nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của cán bộ giảng dạy; hình thành được các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết tình huống trong cuộc sống và trong hoạt động nghề nghiệp.</p>
47	181070	Thực tập nghề nghiệp cuối khoá (5 TC)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Sinh viên đến các cơ sở, cơ quan hành chính Nhà nước, các doanh nghiệp, các bệnh viện (có khoa tâm bệnh), các trường học (có chuyên gia tâm lý) và các trung tâm xã hội...trong và ngoài tỉnh Thanh Hóa dưới sự hướng dẫn của cán bộ chuyên nghiệp để tìm hiểu thực tế cơ sở thực tập (Cơ cấu tổ chức, tình hình hoạt động và phát triển của cơ sở, đặc điểm tâm lý của các đối tượng và cách giải quyết mối quan hệ giữa con người với con người trong cơ sở...) và thực hành các kỹ năng nghề nghiệp của người cán bộ nghiên cứu tâm lý học, quản trị nhân sự.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên vận dụng những kiến thức Tâm lý học, Quản trị nhân sự đã được lĩnh hội vào thực tiễn nghề nghiệp. Đồng thời đề xuất một số biện pháp hữu hiệu để tác động tới tâm lý con người của tæ chøc, quản lý và sử dụng con người một cách có hiệu quả.</p>



**Học phân thay thế KLTN**

**- Chọn 1 trong 2 học phân**

48

181112

a. Tâm lý trong QL kinh doanh (3 TC)

*- Nội dung học phân:* Đối tượng, nhiệm vụ, vai trò và các phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học quản lý kinh doanh; Các vấn đề về quản trị nhân sự trong kinh doanh sản xuất; Đặc điểm tâm lý của các đối tượng trong kinh doanh; Vấn đề giao tiếp và quản lý con người trong quản lý kinh doanh; Quảng cáo thương mại với tâm lý người tiêu dùng.  
*- Năng lực đạt được:* Nhận diện đặc điểm tâm lý cơ bản của các đối tượng lao động trong sản xuất kinh doanh; đặc điểm tâm lý các đối tượng khách hàng, người bán hàng, người lãnh đạo trong QLKD; Giao tiếp trong hoạt động QLKD có hiệu quả cũng như xây dựng được một số hoạt động tiếp thị, quảng cáo thương mại hiệu quả dựa trên việc ứng dụng phù hợp tâm lý người tiêu dùng.

**\* Giáo trình**

1. Nguyễn Hữu Thọ (2009), *Tâm lý học quản trị kinh doanh*, NXB ĐH Quốc gia Hà nội.
  2. Nguyễn Bá Dương - Đức Uy (2007), *Giáo trình Tâm lý học kinh doanh*, NXB Thống kê.
- \* Tài liệu tham khảo**
3. Nguyễn Đức Lợi - Nguyễn Sơn Lam (2009), *Tâm lý học Quản trị kinh doanh*, NXB Tài chính, Hà nội.
  4. Trương Quang Niệm (2005), *Tâm lý quản trị*, NXB Thống kê.

181021

b. Thương lượng học (3 TC)

*- Nội dung học phân:* Học phân cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thương lượng, cơ sở tâm lý học xã hội của thương lượng, chỉ dẫn chung về đàm phán, thương lượng trong kinh doanh, những vấn đề chuyên biệt trong đàm phán. Đồng thời cung cấp cho người học kiến thức về những trở ngại tạo ra thế căng thẳng trong đàm phán và cách loại trừ sự căng thẳng trong đàm phán, một số điều khoản của bộ luật thương mại về 9 loại hợp đồng.  
*- Năng lực đạt được:* Người học nhận diện được các đặc điểm của thương lượng, cơ sở tâm lý học của thương lượng; Có kỹ năng đặt câu hỏi, lắng nghe, đàm phán thương lượng trong kinh doanh; xác định được các kỹ thuật cơ bản trong thương lượng; xây dựng được

**\* Giáo trình**

1. Đào Hữu Hòa (2005), *Thương lượng học*, NXB Giáo dục.
- \* Tài liệu tham khảo**
2. Nguyễn Văn Lê (1999), *Thương lượng học*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.



		các nguyên tắc trong thương lượng; nhận diện được các trở ngại tạo ra thế căng thẳng trong đàm phán; xác định được các điều khoản của bộ luật thương mại về 9 loại hợp đồng.	
<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
151056	c. Quản lý Nhà nước về lao động – xã hội (3 TC)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm những lý luận cơ bản về nhà nước và bản chất, chức năng, bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam; một số vấn đề về quản lý nhà nước ở nước ta trong giai đoạn hiện nay; những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước trong lĩnh vực lao động – xã hội.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Phân tích được những luận điểm cơ bản về nhà nước và bản chất, chức năng, bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam. Đánh giá được các vấn đề về quản lý nhà nước và quản lý nhà nước trong lĩnh vực lao động xã hội ở nước ta hiện nay. Vận dụng những kiến thức đã học vào hoạt động tham vấn tâm lý, quản trị nhân sự...</p>	<p><b>* Giáo trình</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyễn Văn Tiếp (Chủ biên) (2000), <i>Quản lý nhà nước về lao động – xã hội</i> (Tập bài giảng), Trường ĐH Lao động – Xã hội, Hà Nội.</li> <li>2. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2012), <i>Bộ Luật lao động</i>, Hà Nội.</li> </ol> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>3. Phạm Việt Vương (Chủ biên) (2007), <i>Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục – đào tạo</i>, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.</li> <li>4. BCH TW Đảng khóa XII (2017), <i>Nghị quyết số 12-NQ/TW: Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 – 2020</i>, Hà Nội.</li> <li>5. <i>Nghị định 47/2017/NĐ-CP</i> quy định về tăng mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.</li> </ol>
181054	d. Tổ chức nhân sự hành chính nhà nước (3 TC)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Những vấn đề cơ bản về quản lý nguồn nhân lực; các cơ quan quản lý NNL của nền hành chính; các yếu tố tác động đến quản lý NNL trong tổ chức; kế hoạch hóa NNL trong các CQQLHCNN; tuyển dụng nhân lực cho các CQQLHCNN; đường chức nghiệp của người lao động làm việc trong CQQLHCNN; quyền, nghĩa vụ của người lao động làm việc trong CQQLHCNN; đánh giá NNL trong các CQQLHCNN.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học có kỹ năng nhận diện được các yếu tố tác động đến công tác quản lý NNL trong tổ chức; tập</p>	<p><b>* Giáo trình</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Võ Kim Sơn (2004), <i>Tổ chức nhân sự HC nhà nước</i>, Nxb ĐH Quốc Gia Hà Nội.</li> </ol> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>2. <i>Giáo trình tổ chức nhân sự HCNN</i> (2010), NXB Khoa học và Kỹ thuật</li> </ol>

		lập được kế hoạch tuyển mộ, tuyển dụng nhân lực theo yêu cầu của tổ chức; xác định được các yêu cầu cần phải có để đáp ứng yêu cầu của CQQLHCNN; xây dựng được các tiêu chí để đánh giá người lao động; lựa chọn được các phương pháp đánh giá phù hợp để đánh giá NNL trong các CQQLHCNN.	
--	--	--	--

Được tách ra từ bảng 8 và trình bày theo mẫu

### 3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất		Năm thứ hai	
Học kì 1	Học kì 2	Học kì 1	Học kì 2
Triết học Mác Lê Nin (3 TC)	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin (2 TC)	Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 TC)	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2 TC)
TLH đại cương (4 TC)	Kỹ thuật soạn thảo văn bản (2 TC)	Pháp luật đại cương (2 TC)	Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 TC)
Môi trường và con người (2 TC)	Cơ sở văn hóa Việt Nam (2 TC)	Phương pháp NCTL (3 TC)	HP tự chọn : - Thống kê lao động xã hội (2 TC) - Lịch sử kinh tế quốc dân (2TC)
Tin học (2 TC)	Tiếng Anh 2 (3 TC)	HP tự chọn : Xã hội học đại cương (2 TC) - Các vấn đề xã hội đương đại (2 TC)	Lịch sử TLH (2 TC)
Tiếng Anh 1 (4 TC)	HP tự chọn : - TLH giao tiếp (2 TC) - TLH văn hóa (2 TC)	TLH phát triển (3 TC)	Chẩn đoán tâm lý (2 TC)
Giáo dục thể chất (Bắt buộc) (2 TC)	Giáo dục thể chất 2 (tự chọn) (2 TC)	Tiếng Anh (3TC)	Đạo đức nghề nghiệp (2 TC)
	Giải phẫu và sinh lý hoạt động TK cấp cao (3 TC)	Kỹ năng sống (2TC)	TLH xã hội (4 TC)
			HP tự chọn: Xã hội học giới (2TC) - Tín ngưỡng tôn giáo và lễ hội ở Việt Nam (2TC)
17 TC	16 TC	17 TC	18 TC

Năm thứ ba		Năm thứ tư	
Học kì 1	Học kì 2	Học kì 1	Học kì 2
Kinh tế và phát triển (2 TC)	TLH nhân cách (2 TC)	Hội nhập kinh tế quốc tế (2 TC)	Thực tập cuối khóa (5 TC)
Kỹ năng tham vấn (4 TC)	Quản trị nhân lực (3 TC)	TLH quản lý (2 TC)	Khóa luận tốt nghiệp hoặc HP thay thế (6 TC)
Tâm bệnh học (4 TC)	HP tự chọn: - Luật lao động (2 TC) -Luật hành chính và luật nhà nước (2TC)	HP tự chọn : TLH gia đình (2TC) -TLH ứng xử (2TC)	
HP tự chọn: - TLH giáo dục (3 TC) -TLH trị liệu (3TC)	Tiền công, tiền lương (2 TC)	HP tự chọn: -TLH lao động (2 TC) -TLH sáng tạo (2TC)	
Quản trị học (3 TC)	HP tự chọn: - Hành vi tổ chức (2 TC) -Chính sách xã hội (2TC)	Định mức lao động (2 TC)	
	HP tự chọn: - TLH pháp luật (2TC) -TLH tuyên truyền (2TC)	Nguồn nhân lực và kế hoạch hóa nguồn nhân lực) (2 TC)	
	TT chuyên môn (4 TC)	Tổ chức LĐKH trong các doanh nghiệp (2 TC)	
		Khoa học quản lý (2 TC)	
16TC	17 TC	16 TC	11 TC

Được tách từ bảng 8

### 3. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra

Mục tiêu CTĐT	Chuẩn đầu ra của CTĐT												
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13
Triết học Mác Lê Nin	0	M	0	0	0	0	0	0	0	0	0	M	I
Kinh tế chính trị Mác Lê Nin	0	M	0	0	0	0	0	0	0	0	0	R	0
Chủ nghĩa xã hội khoa học	0	M	0	0	0	0	0	0	0	0	0	R	0
Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	0	M	0	0	0	0	0	0	0	0	0	R	0
Tư tưởng Hồ Chí Minh	0	M	0	0	0	0	0	0	0	0	0	M	0
Pháp luật đại	0	M	0	0	0	0	0	0	0	0	0	M	I

ương													
Cơ sở văn hoá Việt Nam	0	0	0	M	0	0	0	0	0	0	0	R	I
Kinh tế và phát triển	0	0	0	M	0	0	0	0	0	0	0	R	I
Khoa học quản lý	0	0	0	0	I	0	0	0	0	R	R	I	R
Kỹ thuật soạn thảo văn bản	0	0	M	0	0	0	0	0	0	I	I	0	R
Xã hội học đại cương	0	0	0	R	0	0	0	0	0	0	0	R	I
Các vấn đề xã hội đương đại	0	0	0	R	0	0	0	0	0	0	0	R	I
Xã hội học giới	0	0	0	I	I	I	0	0	0	0	0	R	I
Tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội ở Việt Nam	0	0	0	R	0	0	0	0	0	0	0	I	I
Tin học	0	0	M	0	0	0	0	0	0	R	I	I	R
Môi trường và con người	0	0	0	M	0	0	0	0	0	0	0	I	R
Tiếng Anh 1	M	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	I	R
Tiếng Anh 2	M	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	I	R
Tiếng Anh 3	M	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	I	R
Giáo dục thể chất 1 (bắt buộc)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	R
Giáo dục thể chất 2 (tự chọn)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	R
Giáo dục Quốc phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	R
Giải phẫu và sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao	0	0	0	0	M	I	M	I	I	0	0	I	I
Kỹ năng sống	0	0	0	0	I	R	I	R	R	0	0	M	M
Tâm lý học đại cương	0	0	0	0	M	M	I	I	I	0	0	M	R
Tâm lý học phát triển	0	0	0	0	M	M	I	I	I	0	0	M	R
Tâm lý học nhân cách	0	0	0	0	M	M	I	I	I	0	0	M	R
Tâm lý học	0	0	0	0	M	M	0	0	0	0	0	M	R

xã hội													
Tâm lý học quản lý	0	0	0	0	M	M	0	0	0	0	0	M	R
Lịch sử Tâm lý học	0	0	0	0	R	R	0	0	0	0	0	M	I
Tâm lý học ứng xử	0	0	0	0	M	M	I	I	I	0	0	M	R
Tâm lý học gia đình	0	0	0	0	M	M	0	0	0	0	0	R	R
Tâm lý học lao động	0	0	0	0	M	M	0	0	0	R	R	I	R
Tâm lý học sáng tạo	0	0	0	0	M	M	0	0	0	I	I	I	R
Tâm lý học giao tiếp	0	0	0	0	M	M	R	M	M	I	0	M	R
Tâm lý học văn hóa	0	0	0	0	M	M	0	0	0	0	0	I	I
Tâm lý học tuyên truyền	0	0	0	0	M	M	0	0	0	0	0	I	I
Tâm lý học pháp luật	0	0	0	0	M	M	0	0	0	0	0	I	I
PPL và PPNC tâm lý	0	0	0	0	M	M	I	I	I	0	0	I	R
Chẩn đoán tâm lý	0	0	0	0	M	M	R	R	R	0	0	I	R
Kỹ năng tham vấn	0	0	0	0	I	I	M	M	M	0	0	R	R
Tâm bệnh học	0	0	0	0	I	I	M	M	M	0	0	I	R
Tâm lý học trị liệu	0	0	0	0	I	I	M	M	M	0	0	I	R
Tâm lý học giáo dục	0	0	0	0	M	M	I	I	I	0	0	I	R
Đạo đức nghề nghiệp	0	0	0	0	I	I	I	M	M	0	0	I	I
Định mức lao động	0	0	0	0	0	0	0	0	0	M	M	R	I
Quản trị nhân lực	0	0	0	0	0	0	0	0	0	M	M	M	M
Quản trị học	0	0	0	0	0	0	0	0	0	M	M	I	R
Nguồn nhân lực và kế hoạch hoá nguồn nhân lực	0	0	0	0	0	0	0	0	0	M	M	I	I
Tổ chức lao động khoa học trong các doanh nghiệp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	M	M	I	I



Hội nhập kinh tế quốc tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	R	R	R	I
Luật Hành chính và Luật nhà nước	0	M	0	0	0	0	0	0	0	0	I	I	I	I
Luật lao động	0	M	0	0	0	0	0	0	0	0	M	M	I	I
Thống kê lao động xã hội	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	M	M	I	I
Lịch sử kinh tế quốc dân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	R	R	0	I
Tiền công tiền lương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	M	M	0	I
Thị trường lao động	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	M	M	0	I
Hành vi tổ chức	0	0	0	0	R	R	0	0	0	0	R	R	I	I
Chính sách xã hội	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	R	R	R	I
Thực tế chuyên môn	0	0	0	0	M	M	M	M	M	M	M	M	R	R
Thực tập tốt nghiệp	0	0	I	0	M	M	M	M	M	M	M	M	R	R
Khoá luận tốt nghiệp	0	0	I	0	M	M	M	M	M	M	M	M	R	R
Tâm lý trong QL kinh doanh	0	0	0	0	M	M	0	0	0	0	M	M	I	I
Thương lượng học	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	R	R	M	0
Quản lý Nhà nước về lao động - xã hội	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	R	R	0	I
Tổ chức nhân sự hành chính nhà nước	0	0	0	0	R	R	0	0	0	0	M	M	I	R

Ghi chú: Dùng thang đánh giá mức độ đóng góp: 0 - Không đóng góp; 1 (I) - Đóng góp thấp; 2 (R) - Đóng góp trung bình; 3 (M) - Đóng góp cao

Thanh Hóa, ngày 27 tháng 8 năm 2021  
LÃNH ĐẠO KHOA QUẢN LÝ CTĐT

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

Lê Thị Thu Hà